

NHÀ XUẤT-BẢN
DAI-VIỆT
8, Rue Frères Guillerault, 8
SAIGON

Kinh trình cho bạn đọc một quyển
liều-thuyết có giá-trị lớn, đã
được sở xem xét báo sách quốc-
ngữ duyệt-y (Adopté par l'Of-
fice des Publications annamites)

Cu' kinh

Nhà sách MAI-QUANG
Số 15 50 nhà nước
Đền Đủ 19 văn
110 B. Guynemer - 450 B. Blanc
CHỢ CŨ SAIGON TÂN ĐÌNH
CỬA

HỒ BIỂU-CHÁI

SÁCH DÀY 160 TRƯỞNG

CỦ BÀN TẠI : Các Đại-Lý của
NHÀ XUẤT-BẢN DAI-VIỆT

- BACLIEU : Librairie Trang-biểu-Nghĩa, Rue Lamoignon de Carrier
- BARIA : Báo-Hoa-Thơ-Xã, Boulevard Gallieni
- BENTRE : Librairie Minh-Son, Place du Marché
- CANTHO : Au bon Accueil, 25 Boulevard Saintenoy
- CHAUDOC : Librairie Héra-vân-Trung, Square de la Marne
- CHOLON : Hồ-Phương-Quê, Bd Tổng Đốc Phương
- CAOLANH : Maison Sáu-Oanh
- CAMAU : Nguyễn-đạo-Dức
- C-SI-JACQUES : Bazar « Aux Variétés »
- LONGXUYEN : Librairie Nguyễn-hữu-Thái, Place Jeanne d'Arc
- LÀITHIEU : Phan-vân-Lương, Rue Đờ-hữu-Vị
- MOCAY : Lê-vân-Tho
- MYTHO : (Librairie Võ-vân-Tâm, Quai Gallieni)
(Nam-Cương Thơ-Xã, Avenue Desvieux)
- SADEC : Quang-Anh-Thư-Quán
- SỐCFRANG : Librairie Lý-công-Quân
- TÂYNHINH : Librairie Chấn-Hưng
- THUDAUMOT : Lê-vân-Giàu Nam-Bắc-Hiệp
- TRAVINH : Lưu-tân-Hóa (Maison Liên-hiệp)
- VINHLONG : Long-hồ-thư-quán
- PNOM-PENH : Võ-vân-Kích Avenue Aristide Briand

Imp. THANH-MAU, 3 Rue de Reims, Saigon

Le Gérant : HỒ-VĂN-KY-TRẦN

NAM KỶ

RA NGÀY THỨ NĂM



TU DUYEN

Giá-mỗi-số :

Số-đăng-giữ-đạt-đến
Kê-nhìn-ran-mặt-người-củi-đầu

Giá-mỗi-số

HỒ-VĂN-TRUNG *

0.50

DẼN đã khuya. Trong nhà bình lặng im-lìm, mà ngoài sân thì gió - gió ù ào, đưa-dây lá cây nghe vùn-vụt.

Ngồi bên ngọn đèn leo-lét vì dỗi bằng mỡ heo nên yên sáng lờ-lờ, tôi định làm cảm viết mà viết bài này. Khi viết ba

chữ đầu đề rồi, tôi ngẫm-ngĩ đến thế-sự, thì cũng như các anh em, tôi liền thấy hiện nay xứ sở mình đối với hoàn-cầu biến động, chẳng khác nào cảnh-tuyết như tôi bây giờ đối với cuộc gió-đông rần-rạt ngoài sân kia.

Thấy như vậy tôi chẳng khỏi sanh nhiều mối cảm trong lòng, cảm vì nạn khời lửa tung-bùng, nhân-quần khổ-hại, cảm vì đường-tương-lại bất-định, cuộc dân-sanh khổ-khẩn, mà nhất là cảm vì nỗi tội đày - mà có lẽ nhiều bạn cũng nghĩ tội - cứ một mực hần-hờ, chưa hề biết tự tỉnh tự giác mà lo

đổi tâm tính, lo rèn tập chí hăng cường, lo nâng-cao lòng liệt nghĩa, lo xây dựng nền đạo đức, đặng có đủ tư-cách công-dân như người. để có thể đối phó một cách vững-vàng với cuộc tương-lai hoặc khó-khẩn, hoặc vui-vẻ.

Tôi phải công nhận rằng trót mấy mươi năm nay, tôi cũng như các bạn, chúng ta xung-xướng háng-hái, quyết bước vào đời văn-minh. Thật chúng ta có lo nhiều, chúng ta lo học, nhưng ta lo làm, chúng ta lo sửa đời bề ăn ở với đời, chúng ta lo làm giàu với thiên-hạ. Những sự lo ấy cũng có kết quả, chớ chẳng phải không. Chúng ta có nhiều người học rộng, có nhiều người làm nên, có nhiều người ăn ở theo văn-minh, có nhiều người làm giàu cũng khá lớn. Nhưng mà đâu học rộng, đâu làm nên, đâu ăn ở văn-minh, đâu làm giàu khá lớn, coi lại thì những sự ấy chỉ lợi riêng cho thân chúng ta và cho gia-đình của chúng ta mà thôi, chớ không bổ ích chút nào cho dân-

TINH THẦN MỌI

đoàn, cho tổ-quốc hết.

Đủ biết lo cho mình, và lo cho gia-đình mình, không phải là lo quấy. Nhưng mà nếu mình nói rộng sự lo ra nữa, lo thêm cho dân-tộc, lo thêm cho tổ-quốc, thì hay hơn nhiều.

Tổ-quốc là cái gia-đình lớn, gồm các cái gia-đình nhỏ của

chúng ta. Nếu chúng ta không lo bồi-bổ, để cho cái gia-đình lớn này lung-lay suy-sụp, thì các cái gia-đình nhỏ nọ khó mà đứng vững, mà rồi cái thân của chúng ta cũng khó ăn ở bình an, nhiều tiền nhiều của được.

Tổ-Tuấn, là một danh-nho đời nhà Tống, có nói: « Người hiền chẳng hề buồn vì thân mình phải chết, chỉ lo vì quốc-gia suy-nhược mà thôi ». Người xưa lo cho tổ-quốc, đâu phải chết cũng không buồn. Nay chúng ta phải làm sao đây? Nhưng ta cũng phải lo cho tổ-quốc chớ.

Vậy chúng ta phải mau sửa đổi tâm-chí, phải lập một tinh-thần mới cho thích hiệp với thế-giới hiện-thời, để bồi-bổ phụng sự tổ-quốc.

Ngay bây giờ, chúng ta nên:

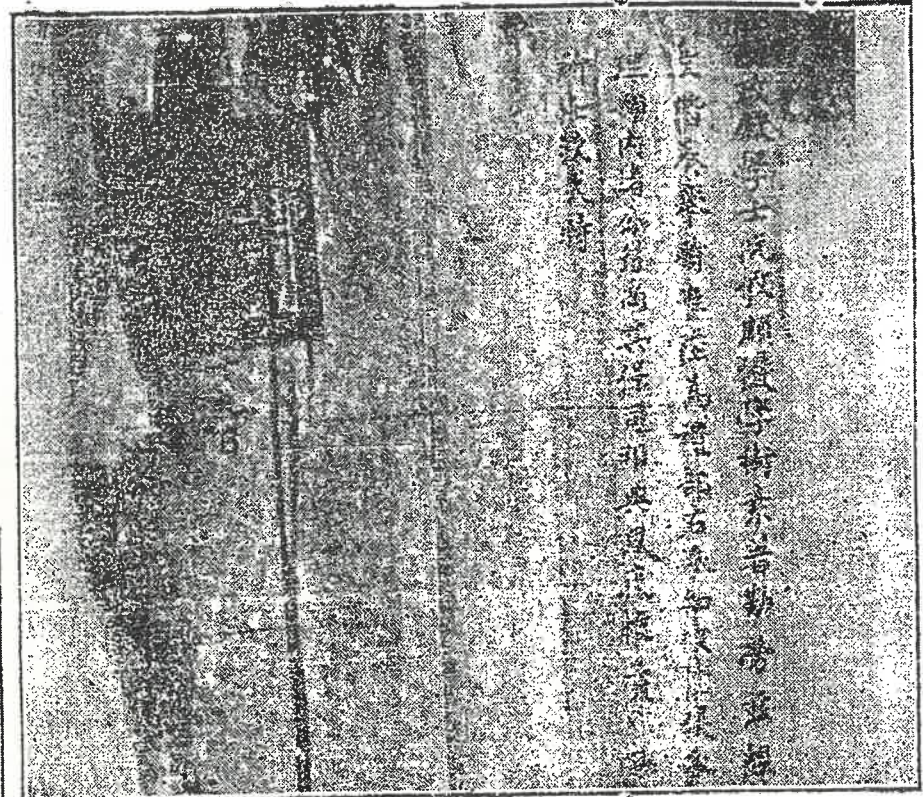
- Rèn lòng trung trực và thành-tinh.
- Tập tánh nhẫn-nại, can-đảm và kiên-cố.
- Ham sự hần-hoan tinh-thần và bỏ dưng cuộc khoái-lạc vật-chất.
- Rắn làm việc cho háng-hái, cho kỹ-lưỡng.
- Tân-tụy với chức-nghịệp, với nghĩa-vụ.
- Yêu cái tốt cái cao, ghét cái xấu cái hèn.
- Gỡ bỏ các thói hư tục tệ, và tập rèn tánh nho-nhã hiền-lương, nho-nhã mà khôn-ngoan, hiền-lương mà cứng-cỏi.
- Tôn trọng yêu mến gia-đình.
- Tân tâm phụng-sự tổ-quốc.

Đấy là một chương-trình sơ lược mà thôi. Mà nếu chúng ta tập được bao nhiêu đó, thì tinh-thần của chúng ta sẽ cao được ít nấc và tổ-quốc của chúng ta sẽ được hưởng ít nhiều.

HỒ-VĂN-TRUNG

Chiều của đức
Già - Long ngày
19 tháng giêng
năm thứ 14
tháng cụ NGUYỄN
DU Căn Chánh.
Điện Học Sĩ lên
chức Lễ-Bộ Hữu
- Tham-Trí -

CHẠNH
NHỚ
NGƯỜI
XƯA



NHỮNG NGÀY DỪNG BƯỚC BÊN LÀNG TIỀN-ĐIÊN

CỦA
YU'ONG-QUÝ-LÊ

NHÀ thi-sĩ NGUYỄN-DU qua đời đã lâu, mà những hận lòng của thi-sĩ vẫn còn náo-nộ

bén tai ta mãi. Những câu thơ êm-đềm, thanh-thú, bất hủ, trong « Đoạn-Trường Tân-Thanh » vẫn còn, và sẽ còn sống mãi với thời gian. Nói gì hơn ba trăm năm lẻ sau này, dấu thơ thi-sĩ vẫn còn văng-vẳng mãi trên non sông đất Việt. Trong kiếp nhân-sinh, đời thi-sĩ đã từng mang nặng một bầu tâm sự, hai gánh quân-thần, dấu đến nay người đời có khóc thương cho thi-sĩ, nhưng biết đâu rằng trong cái

Nơi thi-hào NGUYỄN-DU ký gởi năm xương tàn ngàn kiếp

cần-khôn mù-mịt, chính thi-sĩ cũng đang than khóc cho cảnh phù sinh. Tôi còn nhớ 7 năm về trước, hồi tôi còn học ở trường « Bưởi », nhân kỷ nghỉ hè tôi có dịp vào Hà-Tĩnh thăm anh bạn Ng-v-Minh quê ở Tiên-Điền, cùng một làng với nhà thi-sĩ. Lúc đi qua cái cầu làng tôi sức nhớ câu thơ của Nguyễn-tiên-sinh: « Dưới cầu nước chảy trong veo « Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt-tha »

Đối cảnh sinh tình, tâm lòng hoai cổ thất là man-mác, và lạ thay, trót đã về chiều, mà thời khắc bỗng trở lên tươi đẹp một cách vô cùng gọi cảm! Khiến lòng tôi rung động, nghĩ-ngợi vẩn-vơ. Mặt trời đã gác non đồi, mỗi lúc một mờ phai sau lớp sương lam, trông ra ngọn cỏ là cây nghiêng mình trước gió; tôi tưởng chừng như hồn nhà thi-sĩ vẫn còn phưởng phất đầu đây vậy. Trong một tuần ở chơi nhà bạn, tôi có đi chiêm-ngưỡng

CHANH · NHỚ NGƯỜI XƯA

nơi ở ngàn năm của nhà thi-sĩ Nguyễn-Du. Đứng trước mở và nơi thờ uy-nghiêm của nhà thi-sĩ, tôi và bạn tôi nghiêng mình, tỏ tất cả sự thành kính, thấp mấy nén hương trầm, trước lâu khói tỏa bay nghi-ngút; tâm-hồn chúng tôi trong phút mê-ly ấy, đứng trước cảnh này, chiêm-ngưỡng và nhắc-nhở những công-nghiệp văn-chương của cụ còn để lại cho non sông đất nước. Đi thăm mở thi-sĩ nhắc-nhở công-nghiệp văn-chương của cụ ngàn xưa, còn in hẳn dấu vết trong cuốn « Đoàn-trưởng Tân-Thanh », lúc trở ra về, khách du-quan ai không khỏi cảm tình chan chứa tác dạ bồi-bồi...

Thỉnh-thoảng bạn tôi lại rủ tôi sang thăm chuyện cụ nghệ Nguyễn-Mai. Tôi được hôn-hạnh hầu chuyện với cụ, được cụ coi chúng tôi như chỗ con cháu trong nhà, nên trong câu chuyện cụ có tình quyến luyến và thân-mật. Có lần người nhà ra vườn hái hồng, lúc người nhà mang hồng vào, cụ còn thân hành ra tú chạm, mở lấy một cái đĩa cổ rất qui dem ra, rồi để hồng vào trong đĩa, xong mới niềm-nở mời chúng tôi cùng ăn. Bình-sinh tôi rất thích ăn hồng, mà hồng ở vườn cụ tôi ăn thấy rất thơm và ngọt, khác hẳn với các thứ hồng ở các vùng quê đem ra Hanoi bán; nhất là khi ăn xong, uống nước vào, lại thấy miệng càng ngọt lịm đi. Chẳng khác chi trên mạn thượng-du tôi

thường ăn « mắc-cọc » lúc trắng miệng lại càng thấy ngọt vậy. Tôi thấy thứ hồng quý, tôi ngời khan và hỏi cụ xem thứ hồng ấy cụ lấy giống ở nơi nào? Cụ tuy mình già, tuổi yếu, nhưng thời-gian chưa cướp bản cái tình tình vui vẻ, nhã-nhân và bất thiệp của cụ, nên cụ ôn-từ kể cho chúng tôi nghe:

« Sở dĩ vườn nhà họ Nguyễn tôi có thứ hồng này là vào thời Lê-Mạt, lúc vua Chiêu-Thống trốn sang Tây, đến khi Nguyễn-Huệ đã cầm quyền chính trong tay, lấy hiệu là Quang-Trung, được

Ngồi nghe con cháu tiên sanh kể chuyện cái đĩa cổ có ghi hai câu thơ kỷ-niệm của thi-sĩ lúc đi sang sứ Tàu—6 câu thơ hầu-chiêm trước lúc lâm chung, và cái đặc sắc của trái hồng trong vườn nhà họ Nguyễn.

cụ sai vua Tàu phong lặng. Thấy vua Chiêu-Thống trốn đi, thi Nguyễn-Thị tiên sinh tôi (tức anh ruột thi-sĩ Nguyễn-Du) đang làm Hiệp-lá-quản ở tỉnh Thái-nguyên, cũng xin cáo từ quan mà trở về quê nhà. Sau đến thời Nguyễn-Huệ bắt buộc, Nguyễn tiên sinh tôi lại phải ra và bị sai đi sứ ở Bắc-kinh. Lúc đi sứ trở về qua tỉnh Quảng-tây, Nguyễn tôi đi qua vườn hồng, thấy có thứ hồng qui bèn mua cây về lấy giống, nhưng người chủ vườn ấy xiu gỏi lặng, nhất định không lấy tiền.

Giống hồng này tôi đã cho mang đi nhiều nơi để trồng; nhưng không hiểu tại sao trồng ở các nơi khác thì lại mất hẳn mùi thơm và ngọt, không như trồng ở làng Tiên-Điền tôi vậy. »

Dứt lời nói xong, mắt cụ lim-dim, mơ-màng đờng như trong ký-ức của cụ còn phượng phát nhớ lại « một thời » của các đấng tiên-nhân hồi trước.

Ah! bạn tôi, từ nãy đến giờ ngồi ngắm cái đĩa cổ, có mấy hàng chữ nhỏ, một cách trình-trọng, như không hề được trồng thấy cái đĩa quý ấy bao giờ, và lần nhắm đọc mấy hàng chữ ấy.

Cụ Nghệ Nguyễn-Mai thấy vậy, cảm thức hút rồi cụ lại kể tiếp cho chúng tôi nghe: Con cái của Mai-Hạc này nữa, đến thời Nguyễn-tiên-sinh tôi lại có lần được vua sai đi sang sứ, lúc qua Quảng-Tây, Nguyễn tôi có vào thăm một công-xưởng chuyên môn làm nũng đồ sứ để

mang đi ngoại-quốc bán; xưởng này rất to nên nhân công rất nhiều, người chủ xưởng lại hay thơ-phủ. Nhưng ông vẫn thường nghe danh Nguyễn tôi là một người giỏi chữ Hán ở nước Nam, bèn yêu cầu Nguyễn tôi đề tặng cho hai câu thơ để khắc vào một cái đĩa kiểu mẫu làm kỷ-niệm cuộc hội-ngộ ấy. Nguyễn tôi vui lòng, nên phóng bút viết ở bên cây mai và con hạc trong đĩa ấy hai câu thơ chữ nôm:

(Coi tiếp-trương 9)

CHIÊM BAO THẤY

Chiêu-Kiều

GẶN tôi ngày kỷ-niệm Nguyễn-Du, tôi đem chuyện Kiều ra đọc lại. Đọc Kiều không thể chỉ đọc thăm.

Đọc Kiều phải ngâm-nga cho sảng miệng, cho vui tai.

Nhưng vui-sướng quá chừng, tôi đã quên lúc nào mà không biết.

Nửa như tỉnh, nửa như mê, tôi đã thấy một thảo-bình phụ-nữ, phủ toan sắc trắng, lụa lưng vô vách, ngồi kể bên tôi.

Thảo-bình đó thoạt tiên bất-động như thế xác ma, nhưng lâu-lâu đã làm cho tôi phải ngạc-nhiên, sửng-sốt.

Hai bàn tay úp mặt mở ra. Hai con mắt nhìn tôi một cách đắm đuối và miệng cười hoa nở biết bao tình.

Rõ ràng là một tiểu-kiều, Có chiều phong vận, có chiều thanh tân.

Toàn thân rung chuyển, tiểu-kiều được xuống khỏi giường rồi thướt tha đi, lại trong phòng của tôi.

Phòng này vừa là phòng ngủ lại vừa là phòng sách. Nàng rút hết cuốn này lại cầm đến cuốn khác, sau chót lựa cuốn Kim-bán-Kiều, dở ra đọc:

« Kiều rằng: « Những đấng tài hoa,

Thác là thế phách, còn là tình anh,

Đi hay tình lại gặp tình,

cuả THIÊU-SO'N

« Chờ xem, ắt thấy hiền linh bấy giờ ».

Tiếng ngâm trong và dịu, làm rung động lòng tôi.

Tôi cũng ngồi dậy, cũng đứng lên, cung kính lại trước mặt mỹ-nhoa mà hỏi:

« Thừa cô nương, xin cho « biết qui-tánh phương danh « và độ đàn mà tôi được hanh « hạnh thừa tiếp. »

Mỹ-nhoa mỉm cười và ngâm nữa:

« Thừa rằng; Thanh-khi xưa nay,

Mời cùng nhau lúc ban ngày đã quên. »

Một cái linh-giác khiến tôi đoán ngay được là Thủy-Kiều. Tôi liền nói:

« Phải chăng là người tài-« nữ họ Vương, quê ở Trung-« Hoa mà trụ-danh tại đất Việt, « từ trên một thế-kỷ nay vẫn « sống mãi trong tinh thần người nước tôi? »

Nàng đáp:

« Chính phải đó. Thiếp nhờ « danh-sĩ Nguyễn-Du đã tỏ son, « diễm phần mà mới có được « biết bao nhiêu tri-kỷ ở dưới « cõi trời Nam, thứ nhất là « những hạng tao-nhơn mặc-« khách như chàng đây là « một ».

Tôi chép miệng thở dài:

« Trong đám văn-nhơn có lẽ « tôi là một người vô tình với

« nàng hơn hết thấy.

« Tôi biết nàng t ẻ lắm.

« Tôi biết nàng sau bao nhiêu

« bạc tiền-bồi và đàn anh đã

« rặng tình với nàng.

« Đam cụ-học đã yên nàng

« một cách dễ dặt mà chẳng

« thiếu sự thâm trầm.

« Đam tàn-học mới thật có

« nhiều tay trạng-sứ đã vì nàng

« mà cao-dam hàng-biệt. »

Nàng vừa ngồi xuống ghế

vừa ngắt lời tôi:

— Mấy ông đồ ca tụng cái văn-tài cụ Nguyễn-Du chứ đâu phải vì Kiều này mà hao lời vàng ngọc.

— Đành vậy. Nhưng nàng đã nhờ cụ Nguyễn-Du mà sống giữa chúng tôi thì nàng không thể không liên-lạc với chúng tôi được.

Cụ đã về nàng với những nét bút tài-tinh, để gáy cho nàng một cốt cách thanh-ký, làm cho chúng tôi vừa phải yêu thương vừa phải kính phục.

— Yêu thương là tự ở lòng các ông. Chữ thân gái mà đã đã đến « thanh lâu hai lượt, thanh y hai lần » thì còn có gì đáng cho người đời kính phục.

Tôi pha trà mời nàng uống, kéo ghế lại ngồi gần bên nàng, chiêm-ngưỡng nàng một cách kỹ-lưỡng hơn rồi tiếp theo câu chuyện:

— Nếu nàng chỉ là một người đàn bà không nhau-sắc không tài-boa, không đa-tình,

(Coi tiếp-trương 8)

TRONG một số Văn-học tập chí xuất bản năm xưa, nói về thân-thể Thủy-Kiều, ông Trương-Tửu có viết: « Sống một quãng đời lưu lạc, nằng hoàn-toàn sống theo tà dục. Từ lúc kêu lên một tiếng bi ai:

Tưởng chi là giống hời tanh.

Thân ngàn vàng để ó danh má hồng, nằng Kiêu có hữu đã nhường chân cho một con người thường tục. Đến khi thốt ra tiếng thở dài than tiếc:

Biết thân đến bước lạc loài,

Nhị đảo tà bẻ cho người tình chung, là tiếng kêu của trái tim hay là tiếng rên của xác thịt?»

Nhơn đoán văn đó, trong báo «Sống» số 28, tôi muốn đem cái ý của ông Trương-Tửu làm thành một vấn-đề để tách-bạch tâm-lý Thủy-Kiều, luôn đây, tâm lý chung của người đàn bà cổ thời ở Á-Đông. Vấn đề ấy là thế này: « Hai câu thơ:

Biết thân đến bước lạc-loài

Nhị đảo tà bẻ cho người tình chung,
biểu hiện cho tiếng kêu của trái tim hay là tiếng rên của xác thịt?

Đặt ra câu hỏi vừa xong, báo «Sống» không sống nữa. Sự giải-đáp dành hẹn buổi hậu-lai. Nay thừa dịp ngày kỷ-niệm cụ Nguyễn-Du sắp đến, trong Nam ngoài Bắc các hội-học định cùng tổ-chức lễ kỷ-niệm một bức thiên-tài ít có trong thi-giới nước nhà, tôi đem vấn-đề đó ra mà bàn lại, âu cũng là một cách hưởng-ứng với các nhà tổ-chức để cho cuộc lễ thêm long-trọng vậy.

Theo tôi hiểu, ông Trương-Tửu khi nói đến mấy chữ « tiếng kêu của trái tim », hẳn là muốn chỉ tiếng thổn-thức của tấm lòng trong-sạch bị cảnh-ngộ khắt khe mà không giữ được màu thanh về qui của nó nữa. Còn « tiếng rên của xác thịt » tức là sự thêm-khát không được thỏa-mãn của nó khiến cho bật lên thành tiếng.

Đó là hai thứ tiếng, đều là đau thương, nhưng tương-phản, một đắng là bất-bình, một đắng là bất-mãn, một đắng thanh, một đắng trược. Như vậy muốn hiểu rõ tâm-sự Thủy-Kiều, trước hết ta nên xét coi quan-niệm của Kiêu về ái tình mà nhất là về chữ trinh ra thế nào?

Quan niệm VỀ CHỮ

TRÚC-

Nhà đạo đức thường chê-trách Kiêu ở chỗ thâm lên hẹn-bò với Kim-Trọng, Chính cái chỗ đó để cho ta thấy sự hi-sanh sau này của nàng đối với gia-đình mới là nặng-nề to-lát. Thiết tưởng ta nên gác lời trách lại-để-mà-nhận-rằng, đến tuổi dậy-thì, trong lòng Kiêu, nếu có nảy-nở một thứ tình-cảm mới lạ, đồng-điệu với nhịp cảm của chàng Kim ấy là lẽ tự nhiên. Ngoài ảnh-hưởng về sanh lý, Kiêu lại còn bị ảnh hưởng của sách - vở. Trước nàng, thiên-hạ vẫn biết yêu-đương và đã truyền lại cho đời những thiên diễm-sử, hoặc lệ-sử. Chính Kiêu đã nhắc cho Kim-Trọng một câu chuyện để cảnh tỉnh người yêu và phòng-thủ lấy mình, giữa lúc Kim-Trọng tỏ ra lả-lơi trong chiều âu-yếm.

Ngâm duyên kỳ-ngộ xưa nay

Lừa đời ai lại đẹp tày Thôi. Trương

Mây mưa đánh đổ đá vàng,

Quá chiều nên đã chán chường yểu anh

Trong khi chấp cánh liễn cành

Mà lòng về-rùng đã dành một bên!

Mấy câu đó tỏ cho ta thấy rằng Kiêu rõ là « mắc điều tình-ái, khởi điều tà dâm ». Mặc dầu đã cùng chàng Kim thề nguyện song núi, Kiêu vẫn còn giữ và cố giữ sự trong sạch của tình yêu. Tự tin về chỗ đó, Kiêu mới dám nói với Kim-Trọng:

Đã cho vào bực bổ-kính

Đạo tông-phu lấy chữ trinh làm đầu.

Đối với Kiêu, yêu đương chưa phải là một tội lỗi, miễn đừng đưa nó đi tới một bực nữa. Song nếu thế thì yêu đương để làm gì? Lấy con mắt sanh-lý mà xét thì ái-tình của đôi trai gái bao giờ cũng bắt đầu bằng yêu dẫu về tinh-thần mà kết-thúc bằng thỏa-mãn về vật-chất. Nhưng có những trường-hợp mà người ta không hoàn-toàn nghe theo tiếng gọi của sanh-lý.

Muốn biết yêu để làm gì, ta hãy đọc kỹ

của Kiêu

TÌNH

những lời than của Kiêu khi đã bán mình và sắp lìa gia-quyển:

Công-trình kẻ biết mấy mươi

Vi ta kháng-khít cho người dờ-dang

Thê hoa chưa ráo chén vàng,

Lỗi thê thối đã phụ-phàng với hoa.

Trời Liêu non nước bao xa

Nghĩ dẫu về cửa chia nhà từ tới!»

« Đọc mấy câu đó, ta thấy đối với Kim-Trọng, Kiêu có một cái gì cao-thượng, khâm-ái. Thấy vì thương hại mình không được sum-hợp với Kim-Trọng để hưởng một cuộc đời ái ân đầm-ấm, Kiêu lại tội nghiệp cho chàng và lo ngại đời chàng rồi đây sẽ phải dờ-dang, mà nguyên-nhân chỉ vì nàng đã tỏ tình kháng-khít, Trong lúc sắp lìa nhà, đáng lẽ Kiêu nên badan nỗi thân phận lưu lạc của mình, nàng lại nghĩ đến nhà cửa mai sau của Kim-Trọng, nhà gữa mà chàng xây đắp trong mộng tưởng. Ngôi nhà trong mộng kia dẫu nó tan đi, bất quá cũng như tau một giấc mộng, tình cảnh dàu dằng thương hại, dằng xót xa bằng cách chia nhà rẽ cửa của gia-quyển Kiêu bấy giờ! Cho nên ái-tình, đối với Kiêu là vị-tha chứ không phải ích-kỷ, là cống hiến chứ không phải đòi hỏi. Trộm dẫu thâm yêu chẳng qua là sự thức-tỉnh của tuổi xuân mon mồn, mà mục-dịch và cứu-cánh chính là sự gầy dựng cửa nhà. Vì lẽ đó nên Kiêu mới trách Kim-Trọng:

Phải điều án với ở thì

Tiết trăm năm nở bỏ đi một ngày.

Cũng vì lẽ đó nên Giao Tiên mới trách Lương Sinh trong Hoa Tiên:

Thê lòng đợi bên Hà Châu.

Đợi nhau trên Bộc trong dẫu ru mà?

Thủy Kiêu, Giao Tiên hay bất cứ một thiếu-nữ doan chính nào về thời cổ, ai cũng lấy sự giữ gìn trinh tiết làm trọng, dẫu cho đối với ý trung nhân của mình. Tâm-trình đối với họ là món của hồi-mon qui nhứt của đời thiếu-nữ, họ không có quyền đem tặng cho tình



*Thưa rằng: « Đừng lấy làm chơi,
Đề cho thưa hết mọi lời đã nao!*

lang, cho ý trung nhân, chỉ riêng dành cho đưê phu quân thôi.

Như vậy, báo sao Kiêu không vô cùng tiếc hối mà nghĩ rằng:

Biết thân đến bước lạc loài

Nhị đảo tà bẻ cho người tình chung!

khi nàng biết từ đây thân mình không phải mình làm chủ nữa. Từ buổi mà cùng ai « tóc mây một món, dao vàng chia đôi » ở dưới bóng trăng vắng vạc, Kiêu vẫn cố giữ gìn tấm lòng băng tuyết, cốt để một ngày kia « đước hoa chẳng thẹn cùng chàng mai sau ». Ngay khi Kim-Trọng phải tạm biệt Kiêu để về Liêu Dương, chàng vẫn cần dặn:

Gìn vàng giữ ngọc cho hay,

Cho dành lòng kẻ chán mây cuối trời.

thì nàng cũng đính-ninh với người yêu:

Cùng nhau trôi đã nặng lời

Dẫu thay mái tóc, dăm rời lông tơ.

Thế mà ở tình-cảnh hiện-thời của Kiêu, sự giữ ngọc gìn vàng quả không thể được nữa. Tâm-trạng của Kiêu lúc ấy là tâm-trạng của người thôn quê kia đã « bòn tro dãi trâu để cho con chó gán nó ăn ». Nhưng ở miệng Kiêu thốt ra lời nói có vẻ văn hoa hơn:

(Coi tiếp trang 18)



ở hạ-giới, mà vẫn không bỏ mất đạo-cốt tiên-phong.

Linh-hồn nàng chỉ ở với nàng những khi nàng gặp cảnh đẹp, gặp người hay.

Nhưng lúc nàng bị chim-dâm nơi bùa lầy, thì nó lại lìa nàng mà bay về tiên-giới.

Mặc người mưa Sờ, mây Tần Những mình nào biết có xuân là gì.

Vui là vui gương kéo mà, Ai tri âm đó mặn mà với ai?

Người như nàng nếu không gặp cảnh biến

không hiển-hạnh, thì nàng đâu có phải chim nổi trong cuộc đời phong ba.

Thế thường người ta hay biến đổi theo cảnh ngộ. Vậy mà thi-chung nàng vẫn giữ tròn cốt-cách.

Gặp những trường-hợp phải chết, nàng cũng dám chết. Nhưng bởi chết không được mà nàng phải sống gượng với đời.

Trong những cảnh tôi lần đơ-bần mà thiên hạ có thể sống một cách thỏa-thích thân nhiên, nàng vẫn gượng-gạo để trôi theo ngày tháng, thì những lúc đó làm-hồn nàng có mất phần trong sáng ở đâu?

Tôi tưởng tượng nàng như một bà tiên mắc nợ, tuy bị đày

thì ường phi mất một đời tài hoa.

Cái kho tinh-cảm của nàng nó phong-phú vô-ngăn, chẳng Kim-Trọng không một mình hưởng hết được.

Cái nhan-sắc của nàng nó muốn phần diễm-lệ phải cho nhiều người chiêm-ngưỡng mới công bằng.

Cái thi tài của nàng phải được nhiều người thưởng thức. Cái ngón đòn của nàng phải có lắm bạn tri âm.

Đời không có nàng là đời không thi vị.

Nàng vừa là một công trình nghệ thuật, lại vừa là một nhà nghệ sĩ tài tình.

Cụ Nguyễn-Du đã đem nàng

từ bên Tàu qua đất Việt và cho nàng thành một người tài nữ của muôn đời.

Nay mai sẽ cử-hành lễ kỷ-niệm Nguyễn-Du, nhưng trong đàn-gian thiếu chi người chỉ biết có Thúy-Kiều mà không cần biết ai là tác-giả.

Cụ Nguyễn-Du đã trở lại: *Bất tri tam bách dư niên hậu, Thiên hạ hà nhân khấp Tố-Như.*

Khóc Tố-Như chẳng thiếu chi người. Nhưng khóc Thúy-Kiều mới thiệt nhiều người khóc. Mà tới khi tác-phẩm trứ danh hơn tác-giả thì nó mới thiệt đáng là thiên-thu bất hủ vậy...

Tôi nói nhiều quá. Tôi tán tụng nàng nhiều quá, đến nỗi có lúc nàng phải cúi xuống để giấu sắc mặt ửng hồng vì e lệ.

Thình lình nàng đánh rơi cuốn sách. Tôi cúi xuống lượm thì nàng đưa tay ra mop tròn ột tôi.

Tôi cảm thấy lạnh, giựt mình mở mắt, thì thấy đứa con gái nhỏ của tôi đương phá đầu tôi và cũng đương cúi xuống lượm giùm tôi cuốn Kiều mà trong khi ngủ quên tôi đã làm rớt xuống khỏi giường.

Tiếc thay giấc chiêm bao vẫn với! Nhưng chẳng quá cũng là cái tâm trạng vô thường của nhà văn.

Có lẽ nào cứ đeo đuổi mãi theo cô Kiều để tìm hứng?

THIỆU-SƠN



(Tiếp theo trang 4.)
«Tiêu-diêu vui thú yên hà,
«Mai là bạn cũ, hạc là người quen.

Sau khi cái đĩa ấy đúc xong, thì cái kiêu-màu người ta cũng cho phá đi, người chủ xưởng ấy bèn đưa tặng lại cho Nguyễn tôi, để đem về nước, và hẹn rằng cũng có ngày sang đất nước Việt-Nam sẽ ghé tới thăm.

Chỉnh những giòng chữ trong đĩa mai-hạc này là chữ của Nguyễn tiên-sinh tôi vậy. Cũng có lần, tôi thấy có thứ đĩa giống y như thế, và cũng có hai câu thơ này, nhưng nét chữ hơi thấy khác, mà tôi do từng phân thi thấy chữ ở đĩa ấy với đĩa này sai lệch đi, có lẽ sau khi phá khuôn kiêu-màu ấy đi rồi, họ nghĩ lại tiếc, nên sau họ lợi-dụng ngay lòng ưa thích của người Nam

minh, mà đúc lại cái kiêu-màu giống thế, để mang sang nước Việt-Nam bán cho chạy chãng? Chúng tôi được hân hạnh hầu chuyện cụ lâu, thấy cụ rất niềm-nở, nên không bỏ qua dịp may-mắn không ngờ ấy, tôi bèn nghĩ ngay đến hai câu thơ trong truyện «Đoạn trường Tân-Thanh» mà trước khi làm chung, Nguyễn-Du tiên-sinh có khâu-chiêm, để

bồi cụ: «Thưa cụ hai câu thơ: «Bất tri tam bách dư niên hậu Thiên hạ thủy nhân khấp Tố-Như?»

Cụ cụ Nguyễn-Du trước khi làm chung khâu-chiêm đó, có lẽ lúc ấy tiên-sinh ngài mệt ngất đi, nên chỉ có thể khâu-chiêm được có hai câu thơ ấy, để kết liễu một cuộc đời?»

Đáp lời tôi, cụ Nghệ Nguyễn-Mai thờ gãi, nói:

«Hai câu thơ tôi vừa đọc đó, là hai câu thơ về cuối, chứ Nguyễn-Du tiên-sinh tôi, trong phút cuối cùng hãy còn tinh táo nên khâu-chiêm cả bài thơ bát-cử; nhưng tiếc rằng bị thất lạc mất hai câu đầu, mà từ xưa đến nay, người trong nước vẫn lầm tưởng rằng chỉ có hai câu thơ như thầy vừa đọc đó thôi, chứ thực ra bài thơ ấy có 8 câu còn lại 6 câu dưới như thế này kia:

Tri phần hữu thần liên tự hậu
Vân-chương vô-mệnh lụy phần dư
Cờ kim dật sử thiên nan vấn
Phong vận kỳ oan ngã tự cư
Và câu cuối là:

Khả liên (chữ không phải «Bất tri tam bách dư niên hậu. Thiên hạ thủy nhân khấp Tố-Như?»

Cụ Nghệ Nguyễn-Mai, đọc cho chúng tôi nghe mấy câu thơ của Nguyễn-Du tiên-sinh, trước khi làm-chung khâu-chiêm xong, thì đồng hồ trên vách đổ 6 tiếng trời đã sẩm tối. Cũng tôi xin cáo từ cụ ra về, và thưa với cụ rằng; tôi còn ở đây với bạn tôi ngày nào, tôi sẽ sang hầu

chuyện cụ luôn. Đêm hôm ấy tôi nằm trần trọc không sao nhắm mắt được, lẩn qua, trở lại trên giường, nghĩ ngợi vẫn vo về thân-thể Nguyễn-Du tiên-sinh, mà lòng tôi thấy nao-nao kính mến. Nghĩ đến tiên-sinh tôi lại chạnh tủi thay cho những người tài-ba lỗi-lạc của đất nước non nhà, đã qua say mê đến «bủ» công danh, mà rồi sự nghiệp muôn đời cũng chỉ còn thâu lại bằng mấy nét rên mờ phủ trên bia đá....

Hôm tôi ra về Hà-nội, tôi sang kính chào cụ Nguyễn-Mai, cụ có tiên-chân tôi ra tới cổng. Lúc chia tay cụ, tôi thấy tác-dạ bụi ngùi, và xin khất với cụ đến vụ hè năm sau, tôi lại về hầu thăm cụ. Tôi chúc cụ ở lại mạnh khỏe, hưởng lộc trời, sống lâu trăm tuổi, Nét mặt râu-rầu cụ cũng chúc tôi đi đường được mọi sự bình-an. Thế rồi từ đó nhân nay vì kế mưu-sinh, thân tôi lại để thời-giao trôi đi như nước thuận dòng, tôi chưa có một dịp nào được trở lại làng Tiên-diên, hầu thăm cụ nữa.

VƯƠNG-QUY-LÊ

Quyển sách « Paroles du Maréchal »
CUỐN THỨ III (BẰNG TIẾNG PHÁP)
Những bài diễn văn của Quốc-Trưởng Pétain đọc từ ngày 31 Aout 1941 đến 10 Mai 1942 đã góp lại thành tập, tựa đề « Paroles du Maréchal » cuốn thứ III (bằng tiếng Pháp) và đã in xong. Mỗi cuốn bán Op 30.
Ai muốn mua quyển sách này xin lại nhà bán sách: TÍN-MỸ, n° 106, rue Lagrandière, Saigon
NGUYỄN-KHANH-ĐAM, n° 12, rue Sabourain, Saigon.

TRANG NHÀ TRONG VĂN-CHƯƠNG Của TRÚC-HÀ

BỒI học hôm ấy về lúc cuối năm. Chúng tôi đã đi đến đoạn chót trong quyển Kiều, tả cảnh tái hợp của Kim Kiều sau 15 năm xa cách. Cả đoạn như thế này :

Canh khuya bức gấm rủ thao,
Dưới đèn tỏ dạng, má đào thêm xuân.
Tinh-nhân lại gặp tinh-nhân,
Hoa xưa ong cũ, mấy phân chung tình !
Nàng rằng : « Phần thiếp đã đành,
Có làm chi nữa cái mình bỏ đi !
Nghĩ chàng nghĩa cũ tình ghi,
Chiều lòng họa có xường tày mây-may.
Riêng lòng đã thẹn lắm thay,
Cũng đã mặt dạn, mày dày, khó coi !
Nhưng như âu yếm vành ngoài,
Còn toan mở mặt với người cho qua,
Lại như những thói người ta,
Vớt hương dưới đất, bẻ họa cuối mùa,
Khéo thay dõ nhuộm bày trò,
Còn tình đâu nữa, là thù đấy thời !
Người yêu ta xấu với người,
Yêu nhau thì lại bằng mười phụ nhau !
Cửa nhà đã tích về sau,
Thì con em đó, lọ cần chi đấy ?
Chữ trính còn một chút này,
Chẳng cầm cho vững, lại giầy cho tan !
Còn nhiều ân-ái chan-chan,
Hay gì vầy cái hoa tàn mà chơi ? »
Chàng rằng : « Gán bó một lời,
Bằng không cả nước, chim trời, lữ nhau,
Xót người lưu-lạc bấy lâu,
Trương thẻ thốt nặng cũng đau-đớn nhiều !
Thương nhau sinh tử đã liêu,
Gặp nhau còn chút bấy nhiêu là tình,
Chứng xuân tơ liễu còn xanh,
Nghĩ rằng chưa thoát khỏi vành ai-ân.
Giương trong chẳng chút bụi trần,
Một lời quyết hẳn muốn phần kinh thêm !
Bấy lâu đây bề, mò kim,

Là nhiều vàng-đá phải tìm trăng-hoa ?
Ai ngờ lại hợp một nhà,
Lọ là chẵn gối, mới ra sắt - cầm ! »
Tôi gọi một học-sanh lên bảng đọc. Cậu đọc xong, tôi bảo hãy thuật lại coi Kim và Kiều đã nói với nhau những gì. Cậu xếp quyển sách, bắt đầu thuật chuyện, Nói được vài tiếng, cậu ấp-ung, rồi nín. Để ý, tôi nhận ra rằng sợ dĩ cậu không nói được, chẳng phải vì không hiểu, mà vì thiếu lời thanh-nhã để diễn lại ý người trong truyện. Tự đặt mình vào địa-vị của cậu học-sanh, tôi cũng thấy lúng-túng. Hôm đó, tôi đặc-biệt chú trọng đến một tánh cách quý hóa của văn-chương : sự trang-nhã.

Văn-chương truyện Kiều trong-trẻo, uyển-chuyển, điều-luyện mà giản-dị, các tánh cách đó, tôi đã được biết. Lần này, xét về phương-diện trang-nhã của nó, tôi thấy thi-sĩ Nguyễn-Du diễn-tả một cách thật tài-tinh, thật thanh-thú những chuyện tâm thường thô-lục.

Thử xem, lúc Kiều khảy đàn cho Kim-Trọng nghe vừa xong, chàng Kim lúc ấy tỏ ra không được nghiêm chỉnh, Kiều liền khuyên nhủ với những câu :

Về chi một đóa yêu đào
Vườn hồng, chỉ dám ngăn rào chim xanh...
... Vội chi liễu ép hoa nài
Còn thân ấy cũng đến bởi có khi.

Mấy câu thơ ấy chưa cần biết bao thi-vi. Đọc đến nó, người ta vẫn hiểu ý-nghĩa, tâm hồn lại rung sướng một cách trong trẻo vì hình ảnh đẹp đẽ và âm hưởng ngọt ngào.

Rồi khi phải bán mình cho một kẻ khác, nghĩ đến thân mình sẽ thuộc quyền sở-hữu của hạng tục-tử phạm-phu, Kiều lấy làm ân hận sự giữ gìn lúc trước đối với Kim-Trọng, thi-sĩ tả :

Phẩm tiên rơi đến tay hèn
Hoài công nằng giữ nửa gìn với ai !
Biết thân đến bước lạc-loài,
Nhị đào thà bẻ cho người tinh-chung !
Vị ai ngăn đón gió đông...

Thật là rõ-ràng mà thật là trang-nhã ! Nguyễn Du còn có thể nói đến phũng cái khó nói hơn nữa. Đây là sự thất-trình của Kiều với Mã-Giám-Sinh :

Tiếc thay một đóa trà mi,
Con ong đã mở đường đi lối về !
Kia là cuộc truy-hoan của Thúc-sinh với Kiều.
Hải-đường môn-mở cảnh to.
Ngày xuân càng gió, càng mưa, càng nóng.
Nọ là một bức tranh khỏa-thân nửa mở nửa kín :

Thang lan, rủ bức trường hồng, tấm hoa.
Rõ ràng trong ngọc trắng ngà.
Dày dày sần đục một tòa thiên nhiên.
Ta có thể đem bức tranh này so sánh với một bức tranh khác của Hồ Xuân-Hương, một nhà thơ chuyên-môn đem cái thanh mà diễn cái trọc :

Mọi đồ trang-sức không vương một
Má mảnh phong lưu thật tỏ mười.
Nguyệt nọ vẫn chưa mờ ánh sáng,
Hoa kia còn giữ cái màu tươi !

Đây, công dụng rất lớn và tánh-cách rất quý của văn chương. Sự đời có những cái không thể nói, Người thanh nhã có những lúc ngượng khi mở lời. Nhưng văn-chương vẽ ra được cả. Nó bày rõ sự thật, đồng thời lại đẩy lên bằng một lớp kiến muôn màu. Độc-giả vẫn đặt chơn trên miếng đất thực-tế mà tâm-hồn lại bay bổng trong cõi thanh-âm hình sắc thần-tiên. Ở trường hợp này, văn chương bao hàm tánh cách luân-lý. Luân-lý kèm chế cái dõ, đưa người đến cái hay. Văn chương gạt bỏ cái dục, đưa người đến cái đẹp. Sự trang nhã của văn chương có thể ảnh hưởng tốt đến sự thanh-nhã của con người.

Đó là một điều mà nhà làm văn không thể không để ý. Lâu nay, trong văn giới nước ta, có một nhóm người khuyh-hướng về chủ-nghĩa tả-thực. Muốn tả sự thật xấu-xa, người ta dùng ngay đến lời văn quá ư tâm thường.

Họ cho như thế là có tinh cách bình-dân và phải dùng lời văn như vậy mới hợp với tâm hồn bình-dân, mới diễn được sự thiệt trần trường.

Thật ra, cần văn trơ trên, trắng trơn chỉ làm hại văn-chương, phản-bội nghệ-thuật. Không phải cảnh thiệt nào cũng cần tả. Song nếu cần tả, thì nên tránh động-chạm đến tánh nhã-nhân của người xem.

Còn văn nào bình-dân bằng những câu ca-đao ? Thế mà những câu ấy vẫn thanh-nhã, mặc dầu cũng có nhiều câu thô-lục. Ta thử nghe lời trách-móc này của người nhà quê :
Bầu nói với qua bạn không bẻ mạn hải đào.
Chớ mạn đâu bầu bọc, đào nào trên tay ?

Hoặc lời ước tình bóng-bầy sau đây :
Đêm trăng thanh, anh mới hỏi nàng
Tre non đủ lá đòng sàng được chăng ?
— Đòng sàng, thiếp cũng xin vắng,
Tre vừa đủ lá, nên chăng hỏi chàng ?
Đó là những câu đặc-biệt bình dân, nói

những chuyện rất tâm-thường, nhưng không kém phần nhã-nhân. Trong khi nhà học-thức tạo nên câu thơ :

Đài gương soi đến dấu bèo cho chăng ?
thì nhà bình-dân họ cũng có được lời hát :

Cau tươi ăn với trâu vàng xấu, không ?
Hai đặng khác hẳn nhau vì chỗ đài các với
bình dân, nhưng vẫn giống nhau ở nơi trang-nhã.

Một điều mà chúng ta cần để ý là không nên lầm-lẫn sự giản dị với sự tâm thường. Tánh cách giản dị của văn chương không phải dễ mà đạt đến. Những nhà thơ của nước ta như Nguyễn Du, Nguyễn Khuyến, đều là những người làm thơ giản dị, nhưng trong sự giản dị ấy, vẫn hàm sự trang nhã. Tới đây bài thơ tiếp hạn này của Nguyễn Khuyến :

Đã bấy lâu nay bác tới nhà
Trẻ thời đi vắng, chợ thời xa.
Ao sâu nước cả khôn chài cá.
Vườn râm rào thưa khó đuổi gà.
Cải chửa ra cây, cà chưa nụ.
Bầu vừa rụng rốn, mướp đương hoa.
Đầu trò tiếp khách trầu không có.
Bác đến chơi đây ta với ta.

Lời giản-dị biết chừng nào, lại có giọng đùa bỡn, nhưng không ra ngoài vòng lịch-sự.

Cần đây, vì mục-tiêu chủ-nghĩa tinh-thần dân-chúng, chân-phủ có ra lệnh lấy để trong văn-chương. Tin đó đưa ra, những bậc phụ-huynh thường chú trọng sự gia-đình giáo-ục đều lấy làm mừng. Nhưng những nhà cầm bút có lẽ tự-trọng hẳn không thể không lấy làm thẹn. Lãng văn, hai chữ ấy, tự nó chất-chứa một cái gì trong-trẻo, cao-thượng. Đó là một thế-giới siêu-phàm thoát-tục. Thế mà cần đến lấy-uff, há chẳng phải là một điều đáng buồn hay sao ? Trách-nhiên nhà văn đối với xã-hội rất lớn, công việc của họ cũng nhiều. Riêng về những người coi văn chương là một nghệ-thuật, đối với họ, làm văn là một cách phụng-sự nghệ-thuật chứ không có mục-dịch trực-tiếp về xã-hội, cũng không thể không để ý đến ảnh-hưởng của văn-chương đối với quần-chúng. Như trên đã nói, văn-chương bao-hàm luân-lý. Nó có thể tạo nên một dân-tộc trang-nhã, lịch-sự, có cốt cách thanh cao. Mong rằng ở nước ta chủ-nghĩa tả-thực sẽ không làm hại đến tánh cách cao-quý ấy của văn-chương.

TRÚC-HÀ

**BỒI SÔNG
TINH - THẦN**
III
Bài của **THIỆU-SƠN**

**NHÀ
VĂN-SĨ**

TRONG trận giặc trước, ông Georges Duhamel là m. thầy thuốc m. h. a. binh phải ra mặt trận để săn-sóc cho những m. mới lâm-nạn. Ông đã chứng-kiến cái thảm-trạng của chiến-tranh, ông đã gần-gũi những nỗi thống-khổ của loài người, ông đã hàn-gắn những vết thương đau cho đồng loại.

Những cái đ. khích-tích tới tâm hồn tinh-cảm của ông. Ông viết bộ tiểu-thuyết Les Martyrs để nói tới những nạn-nhơn của trận giặc đ.

Ông nói tới một cảnh tượng trong binh-viện ở chiến-địa như sau này :

« Tôi ăn ở giữa đám người « bị thương để hết thuốc một « cách thơ nhân và dễ tính « tư trong bóng tối. « Ở đây cái không khí tinh « thần trong sạch lắm. « Những binh - nhơn nhiều « não quả, vô phương quá, họ « ăn-cần đến sự đau khổ nó « cứ ám-ảnh họ hoài cho đến « đối hình như họ đã trút khối « được cái gánh nặng của thị « dục để thâu găm hết thảy « nghị-lực vào một dự-định « duy-nhất : SỐNG. » (1)

Từ văn mà đến được như vậy thật là thần-kỳ.

Đầu thuốc ông giới đến bực nào, đầu khoa giải-phẫu ông

linh-thục đến bực nào đi nữa thì ông cũng nên giải-nghe để viết văn, vì, thiếu ông, văn học Pháp sẽ thiếu một tay loi-lạc.

Trước một cảnh tượng hãi-hùng ghê tởm gây nên bởi những nạn nhơn đầy thương-tích mà ông tạo nên được một bầu không-khí thanh-quang.

Cái không-khí thanh-thần dương hào trùm những kẻ vì đau khổ mà nhẹ lòng thế tục nhưng cũng đau khổ lại càng thiết-tha muốn sống.

Ở một chỗ đây những từ khí nặng nề như văn đã nằm ra được những người sau-khí mãnh liệt.

Chẳng những « trường hợp đặc biệt nơi trên đây, nhưng bất kỳ ở lúc nào, chỗ nào, nhà văn cũng là những người sống để tái hồi cho đời sống tinh-thần của nhơn loại.

Nhà bác học có thể quên trái tim để làm việc bằng khối óc. Bậc văn hào vừa phải cần dùng đến khối óc lại vừa phải nghe mỗi tiếng đáp của trái tim.

Nếu nói rằng phải sống theo người, thì họ hơn hết thảy mọi người.

Mọi người đều có sự sống riêng biệt. Duy chỉ có văn nhơn là lo tới chuyện của mọi người. Từ bậc thượng lưu trong xã-hội cho đến kẻ khổ rách, áo-ôm, hết thảy đều bắt họ phải

quan-tâm thắc mắc vì hết thảy đều là những kiểu mẫu cho những nhơn-vật của họ.

Đối với những kiểu mẫu đó họ không có những tâm trạng yêu-ghét vị-kỳ của thế-nhơn và đều có một tâm lòng âu-yếm vô-tư của nghệ-sĩ.

Họ có thể say-dắm vẽ cái hình-ảnh của một người cũng khổ cũng như họ cảm-dộng trước cái nhơn-sắc xán-lạ của giới-nhơn.

Những hình-ảnh đó, họ đem từ ký-ức xuống thâm-tâm, truyền cái sanh-khí của họ vào, rồi sáng tạo ra những nhơn-vật linh-dộng để làm bạn với mọi người trong thiên-hạ.

Những người này, như trên tôi đã nói, phần nhiều đã làm rớt mất cái tâm-hồn chung mà chỉ còn giữ được những mảnh hồn riêng bị chi-phối bởi những lợi quyền thiết-thực và những thị-dục tâm-thương.

Nhưng mỗi khi họ buồn mà họ còn có thể giải-trí được bằng sự đọc sách thì những

(1) Nguyên-văn : « Je suis venu me refugier parmi mes blessés pour fumer en paix et me recueillir dans l'ombre. Ces hommes sont si misérables, si grandement disgraciés, si attentifs à leur obsédante douleur qu'ils semblent avoir abandonné le fardeau des passions pour mieux rassembler leurs forces sur ce projet : vivre ».

sách đó sẽ nhắc cho họ nhớ tới những cái mà họ đã quên đi.

Người khờ khan có thể nhớ tới ái-tình, kẻ tội-lỗi có thể biết ăn-năn, khách phong lưu nhìn thấy những người cùng khổ, bực quyền qui biết mỡ-lượng bao dung.

Văn biết có loài người rồi mới có văn-chương, nhưng nếu không có một hạng-người hiểu sự, đem chuyện mình, chuyện đời mà kể cho thiên-hạ cùng nghe thì làm sao cho thiên-hạ liên-lạc được với nhau ở cả không-gian lẫn thời-gian ?

Phan-kế-Bình tiên-sanh viết sách « Việt-hán văn-khảo » có lời tự-ngôn rằng :

« Ta trông trên bầu trời trắng « sao vắng-vặc, sông ngân-hà « lấp lánh, lúc câu vông mọc « khi đám mây bay, bóng dáng « chiều hôm, cơn mưa buổi « sớm, làm cho sưng mắt ta « gọi là văn-chương của bầu « trời.

« Ta nhìn ở trái đất, ngọn « núi kia cao chót vót, sông « nọ chảy quanh-co, chỗ « rừng rú, nơi hồ đầm, cây « cỏ thọ um tùm, đám cỏ hoa « sắc-sỡ, nào thành, nào quách « nào tháp, nào chùa, nào đầm « đồng điền cây cối tối tươi, « nào chỗ thị-thành lâu-dài san- « sát, làm cho vui mắt ta gọi « là văn-chương của trái-đất »

Bây giờ nhiệm-tây-học chúng ta không nói là văn-chương của bầu trời hay văn-chương của trái đất như Phan tiên-sanh đã nói.

Chúng ta sẽ gọi là bài thơ của không-gian (la poésie de l'espace) và bài thơ của tạo-hóa (la poésie de la nature).

Nhưng văn cũng có thể cao-khiết 1 có khi còn rộng r.

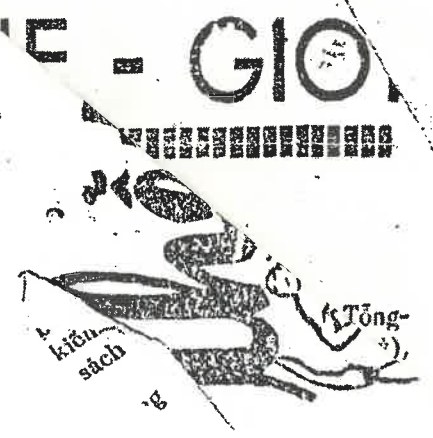
Người Pháp mở cái gì đẹp phi-thưđ cái đó là thơ, hoặc n. thơ.

Tiểu thay những cái thường lại là những c. thường không như thi.

Cái đẹp cao-khiết của giàn, cái đẹp hồn-nhiên vật, cái đẹp thắm-trăm những linh hồn đau khổ đẹp rực rỡ của trăm sắc màu, những cái độ thị-si văn-nhơn đủ nhìn thay cho thiên hạ và đủ vì thiên-hạ diễn tả ở thi-văn.

Tuy nhiên nếu mỗi vật đều phải có giới-hạn thì tâm-hồn tinh-cảm của văn-nhơn cũng không thể vô-cùng vô-lận được.

Họ lãnh-hội nhiều, họ cảm-xúc nhiều, họ sáng-tạo nhiều, khỏi sao họ chẳng mất sự



tiêu thuyết của Balzac tiên-sanh. Đó là một sự lãng-tri. Hơn nữa đó là cái tâm-trạng tối-chung của một nhà nghệ-sĩ đã quên đời sau khi đã rút hết tinh-lực của mình để bồi-bổ vào cho đời sống tinh-thần của thiên-hạ.

THIỆU-SƠN
KỶ SAU : NHÀ NGHỆ-SĨ

Kính cáo độc-giả

Qui ngài đã tiếp nhận hai số báo rồi, vậy sau khi xem số báo này nếu qui ngài có cảm tình đối với N.K.T.B thì xin làm ơn mua bưu-phiếu mà gửi cho Bồn-báo để thuận tiện cho việc số sách. Vì giấy mực đắt giá nên Bồn-báo không thể gửi tặng qui ngài nhiều số nữa để xem, bởi vậy sau khi gửi cho qui ngài ba số mà không nhận được tiền mua báo thì Bồn-báo xin cáo lỗi trước với qui ngài mà buộc lòng phải ngưng gửi.

Xin qui ngài biết cho
N.K.T.B.

BỒI SÔNG
TINH - THÂN

III

Bài của THIẾU-SƠN

NHÀ VĂN-SĨ

TRONG trận giặc trước, ông Georges Duhamel là m thầy thuốc ở nhà binh phải ra mặt trận để săn sóc cho những người lâm-bại.

Ông đã chứng-kiến cái thảm-trang của chiến-tranh, ông đã gần-gũi những nỗi thống-khổ của loài người, ông đã hàn-gắn những vết thương đau cho đồng loại.

Những cái đó kích-thích tới tâm hồn tinh-cảm của ông. Ông viết họ theo-thuyết Les Martyrs để nói tới những nạn-nhơn của trận giặc đó.

Ông nói tới một cảnh tượng trong binh-viện ở chiến-địa như sau này :

« Tôi nằm ở giữa đám người « bị thương để hết thuốc một « cách thơ nhàn và dễ tính « tư trong bóng tối.

« Ở đây cái không khí tinh « thần trong sạch lắm.

« Những bệnh - nhơn nhiều « não quá, vô phương quá, họ « ăn-cần đến sự đau khổ nó « cứ ám-ảnh họ hoài cho đến « đối hình như họ đã trút khỏi « được cái gánh nặng của thị- « dục để thân gồm hết thấy « nghị-lực và một dự-định « duy-nhất : Sống. » (1)

Từ văn mà đến được như vậy thật là thần-kỳ.

Đầu thuốc ông giới đến bực nào, đầu khoa giải-phẫu ông

linh-thực đến bực nào đi nữa thì ông cũng nên giải-nghê để viết văn, vì, thiếu ông, văn học Pháp sẽ thiếu một tay lái-lạc.

Trước một cảnh tượng hãi-hùng ghê tởm gây nên bởi những nạn-nhơn đầy thương-tích mà ông tạo nên được một bầu không-khí thanh-quang.

Cái không-khí đó là cái không-khí tinh-thần dương hào trùm những kẻ vì đau khổ mà nhẹ lòng thì tục nhưng cũng đau khổ lại cũng thiết-tha muốn sống.

Ở một chỗ đầy những tử khí nặng nề như vậy đã nên ra được những nguồn sáng-khí mãnh liệt.

Chính những « trường hợp đặc biệt nói trên đây, nhưng bất kỳ ở lúc nào, chỗ nào, nhà văn cũng là những người sống để tài bởi cho đời sống tinh-thần của nhơn loại.

Nhà-bác học có thể quên trái tim để làm việc bằng khối óc. Bậc văn hào vừa phải cần đứng đến khối óc lại vừa phải nghe mỗi tiếng đập của trái tim.

Nếu nói rằng phải sống theo người, thì họ hơn hết thấy mọi người.

Mọi người đều có sự sống riêng biệt. Duy chỉ có văn-nhơn là lo tới chuyện của mọi người.

Từ bậc thượng lưu trong xã-hội cho đến kẻ khổ rách, áo-ôm, hết thấy đều bắt họ phải

quan-tâm thắc mắc vì hết thấy đều là những kiểu mẫu cho những nhơn-vật của họ.

Đối với những kiểu mẫu đó họ không có những tâm trạng yêu-ghét vị-kỳ của thể-nhơn và đều có một tấm lòng âu-yếm vô-tư của nghệ-sĩ.

Họ có thể say-dắm về cái hình-ảnh của một người cũng khổ cũng như họ cảm-dộng trước cái nhau-sắc xán-lạn của giới-nhơn.

Những hình-ảnh đó, họ đem từ kỷ-ức xuống thăm-tám, truyền cái sanh-khí của họ vào, rồi sáng-tạo ra những nhơn-vật tinh-dộng để làm bạn với mọi người trong thiên-hạ.

Những người này, như trên tôi đã nói, phần nhiều đã làm rớt mất cái tâm-hồn chung mà chỉ còn giữ được những mảnh hồn riêng bị chi-phối bởi những lợi quyền thiết-thực và những thị-dục tâm-thương.

Nhưng mỗi khi họ buồn mà họ còn có thể giải-trí được bằng sự đọc sách thì những

(1) Nguyên-văn :
« Je suis venu me réfugier parmi mes blessés pour fumer en paix et me recueillir dans l'ombre. Ces hommes sont si misérables, si grandement disgraciés, si attentifs à leur obsédante douleur qu'ils semblent avoir abandonné le taudéan des passions pour mieux rassembler leurs forces sur ce projet : vivre ».

sách đó sẽ nhắc cho họ nhớ tới những cái mà họ đã quên đi.

Người khờ khạo có thể nhớ tới ái-tình, kẻ tội-lỗi có thể biết ăn-năn, khách phong lưu nhìn thấy những người cùng khổ, bực quyền qui biết mở lượng bao dung.

Văn biết có loài người rồi mới có văn-chương, nhưng nếu không có một hạng-người-biểu-sự, đem chuyện mình, chuyện đời mà kể cho thiên-hạ cùng nghe thì làm sao cho thiên-hạ liên-lạc được với nhau ở cả không-gian lẫn thời-gian ?

Phan-kế-Bình tiên-sanh viết sách « Việt-hán văn-khảo » có lời tự-ngôn rằng :

« Ta trông trên bầu trời trắng « sao vắng-vặc, sông ngân-hà « lấp lánh, lúc cầu vồng mọc « khi đám mây bay, bóng dáng « chiều hôm, cơn mưa buổi « sớm, làm cho sưng mắt ta « gọi là văn-chương của bầu « trời.

« Ta nhìn ở trái đất, ngọn « núi kia cao chót vót, sông « nọ chảy quanh - co, chỗ « rừng rú, nơi hồ đầm, cây « cỏ thọ um tùm, đám cỏ hoa « sắc-sỡ, nào thành, nào quách « nào tháp, nào chùa, nào đám « đồng điền cây cối tốt tươi, « nào chỗ thị-thành lâu-dài san- « sát, làm cho vui mắt ta gọi « là văn-chương của trái-đất »

Bây giờ nhiệm-tây-học chúng ta không nói là văn-chương của bầu trời hay văn-chương của trái đất như Phan-tiên-sanh đã nói.

Chúng ta sẽ gọi là bài thơ của không-gian (la poésie de l'espace) và bài thơ của tạo-hóa (la poésie de la nature).

Nhưng văn cũng là thơ, nó có thể cao-khiết như thơ và có khi còn rộng rãi hơn thơ.

Người Pháp mỗi khi thấy cái gì đẹp phi-thường thì nói cái đó là thơ, hoặc nói nó nên thơ.

Tiểu thay những cái đẹp phi-thường lại là những cái người thường không nhìn thấy.

Cái đẹp cao-khiết của không-gian, cái đẹp hồn-nhiên của tạo-vật, cái đẹp thâm-trầm của những linh hồn đau khổ, cái đẹp rực rỡ của trăm sắc ngàn màu, những cái đó thị-sĩ với văn-nhơn đã nhìn thay cho thiên-hạ và đã vì thiên-hạ diễn tả ở thi-văn.

Tuy nhiên nếu mỗi vật đều phải có giới-hạn thì tâm-hồn linh-cảm của văn-nhơn cũng không thể vô-cùng vô-lận được.

Họ lãnh-hội nhiều, họ cảm-xúc nhiều, họ sáng-tạo nhiều, khỏi sao họ chẳng mất sự

thăng-bằng về trí-não và có thể biến thành nên những người kỹ-chương ngang-lặng. Đó cũng là những nạn-nhơn của nghệ-nghiệp, ta càng biết rõ lại càng phải kính-trọng và thương-yêu.

Balzac tiên-sanh khi hấp-hối trên giường bệnh bảo người nhà đi kêu thầy thuốc nhưng không bảo kêu một vị danh-sư nào khác mà bảo kêu bác-sĩ Horace Bianchon.

Không có bác-sĩ nào tên là Horace Bianchon cả.

Horace Bianchon chỉ là một bác sĩ sáng tạo, một nhơn vật tiêu-thuyết của Balzac tiên-sanh.

Đó là một sự lãng-trí. Hơn nữa đó là cái tâm-trang tối-chung của một nhà nghệ-sĩ đã quên đời sau khi đã hết linh-lực của mình để bồi-hỗ vào cho đời sống tinh-thần của thiên-hạ.

THIẾU-SƠN

KỶ SAU : NHÀ NGHỆ-SĨ

Kinh cáo độc-giã

Qui ngài đã tiếp nhận hai số báo rồi, vậy sau khi xem số báo này nếu ngài có cảm tình đối với N.K.T.B thì xin làm ơn mua bưu-phiếu mà gởi cho Bồn-báo để thuận tiện cho việc số sách. Vì giấy mực đắt giá nên Bồn-báo không thể gởi tặng quí ngài nhiều số nữa để xem, bởi vậy sau khi gởi cho quí ngài ba số, mà không nhận được tiền mua báo thì Bồn-báo xin cáo lỗi trước với quí ngài mà bước lòng phải ngưng gởi. Xin quí ngài biết cho.

N.K.T.B.

NĂM đó, tôi ra trường được bỏ dạy tại Lái-Thiên. Tôi vườn phố ở, ngang hông chợ. Ngày thứ năm và chúa-nhật, tôi thường dậy sớm, nhất ghé ra hiên ngồi ngắm cảnh chợ mại và luôn dịp — cũng nên thú thật — trông những bức tranh người cho đỡ buồn lúc quê người đất khách.

Nhằm mùa trái cây nên chi mỗi buổi sáng, các cô gái rầy, gái vườn, miệt Vinh-Bình, Bình-Giao, khăn xéo miêng chĩa những nước vắt vai, đầu bôi tóc thả đều, da mặt trắng đỏ, quảy một gánh nào là trái trứng, nào là măng-cụt, thơm, dứa ra chợ và ngồi sắp hàng ngay trước cửa tôi.

Tôi thường nói giỡn cùng anh em : « Giá gì trước phố họ bán khô, mắm với cá đồng, chắc tôi phải dọn đồ đi lập tức ! Nay được bày trước mắt mình, mấy cô lại tươi cười xinh xắn, tôi tin chắc rằng kiếp trước tôi khéo tu nên kiếp này được cái hạnh phúc đặc biệt như thế ».

Hàng trái cây có ngọt ba mươi cô bán, song tôi để ý nhất là cô bán dứa. Cô thường bán đồ vải đen, tay là đeo chiếc huyên, tay hữu đeo chiếc đồng mắt tre, cổ đeo một sợi dây chuyền nhỏ xinh : có không có cái đẹp liệt-oanh của các tay sơn phấn ; có không có cái sắc đoá, cái sắc làm cho người mới trông quá phải làm. Nhìn cho kỹ thì thấy gương mặt cô điều đặn, tóc cô nhiều mà đen huyên, cặp mắt cô ngậy thơ, miêng cô thường nở một nụ cười kín đáo. Cô khéo chịu chuộng người mua nên bữa nào gánh cô cũng hết sớm.

Tôi để ý đến cô đã lâu, song không có dịp trao lời. Tính cơ ngày kia cô trở Đạo lại nhà tôi dựng ôm sỏ vô trường. Đạo thấy cô bèn cười, cô cho Đạo một xâu dứa xanh.

Hỏi Đạo, Đạo nói cô ở Vinh-bình gần nhà Đạo. Thế rồi từ đó về sau, thư tư thư bảy nào Đạo cũng đem về cho cô một phong thơ. Hai thay, thơ đi thì có mà thơ về thì không. Cô tư Phương lãnh thơ mà không chịu trả lời. Hai tháng trường như vậy, chán quá, tôi biểu Đạo về nhắn xin cô cho mấy bức thơ lại. Đạo về nói làm sao không biết, bữa sau cấp nấp đem lên cho tôi một bức thơ. Cô Phương mời tôi nếu rảnh thì chúa-nhật xuống nhà cô.

CÔ TƯ

ĐOÀN-THIÊN TIỂU-THUYẾT

Đạo dẫn đường.

Tôi làm gì mà không rảnh ! Được lời cô Phương, tôi đếm từ giờ, trông cho mau tới sáng đến ngày chúa nhật. Trưa đó, Đạo cỡi xe máy lèo, rồi hai thầy trò mới đi về.

Chẳng bao lâu đến bờ tẻ vô nhà. Thầy trò dắt xe chậm chạp đi dưới bóng dàu. Độ non một trăm thước tây, Đạo giờ tay chỉ lối trước : cái nhà bên tả trước sân có hai cây măng là nhà của cô Tư ; kia cô đứng dựa gốc dàu kia.

Cô Tư Phương dường như đợi chúng tôi lâu rồi, nên vừa chào chúng tôi vừa mời vào nhà.

Vô tới sân, tôi thấy trong nhà có vẻ chộn-rộn, một bà già lối bảy mươi ngoài tuổi, ngồi bên sập phía là xoay trái ; trên sập bên kia có trải sẵn một chiếc chiếu trắng mới. Một người đàn bà lối tứ tuần đương lấy khăn vải tẩy đồ lau tách. Liếc xéo xuống bếp thấy một đứa nhỏ đang lúm khúm thổi lửa.



HƯƠNG

CỦA ĐÀO-THANH-PHƯ'ỚC

Ngập ngừng không biết phải vào hay là giả lạc lối tìm đường ra, vì lúc được thơ cô Tư Phương tôi trong bụng tôi định cho cô thừa bữa vắng nhà mời tôi xuống dựng cùng nhau kể lễ niềm thương nỗi nhớ.

Sét đánh lưng trời chưa hề làm cho tôi giật mình lo lắng bằng bữa hôm nay ; rồi ăn làm sao, nói làm sao bây giờ !

Cô Phương quỳ quỵ thật, trông bày một cách khôn ngoan, khiến cho tôi si-mê mà phải vương như vậy ! Tôi e lo ngại thì mẹ cô Phương, người đạo bà lau tách ban này, liền ra an ủi mời tôi vào. Trẻ pha trà xong, bà ngoại cô Phương mới nói : « Cou nhỏ ở nhà nó có nói bữa nay thầy xuống chơi. Nó có nói thầy thấy nó thầy thương, nên bữa nay nhân ngày nghỉ dạy, bà cháu bàn tính với nhau mời thầy xuống cho mẹ nó cùng già biết mặt ».

Hối rồi quá, tôi bây giờ không dám chối, phải tỏ thật với bà quê quán ở đâu, cha mẹ làm nghề gì, dạy học lượng bằng một



tháng bao nhiêu. Hai mẹ con người chất phác hiền lành cả, nghe tôi nói thì lộ vẻ vui mừng trăm trở nói nếu sau không chi trắc trở, duyên lứa được thành, thì cô Tư Phương có phước lắm. Cả nhà vui vẻ bao nhiêu, thì tôi héo ruột bấy nhiêu, cảm tặc cho cô Phương trường bày gạt mình.

Tôi chưa hề thua ai, bây giờ mắc phải tay người gái bé, có ời máu hay không !

Ngồi nói chuyện trót giờ, tôi bèn nghĩ ra một kế thừa cùng bà rằng uay sẵn có người dưới nhà lên xin bà để cho vài cất bạc dàu. Bà lật-dật kêu cô Phương, biểu lựa dàu ngon hái cho mình. Tôi bốc theo mượn có ra xem vườn. Cô Phương đã nhẹ nhàng thốt lên cây dàu, mùm mùm cười. Tôi nghiêm nét mặt nói lên : « Em lu, em ác thật ! »

Cô cười ngất-ngheo : « Em ác về chỗ nào ? » — Em không cạo qua hay trước rằng em đã tỏ thật cho bà cho mẹ hay, em gói thơ mời qua, làm cho qua bợ-ngợ lúng-túng hết sức ; nếu qua không lệ trí thì làm cách nào mà đối-phò với bà với mẹ ?

Cô Phương đứng tay lại, cặp mắt mơ màng, ra chịu suy nghĩ, một cặp nghiêm khắc đáp : « Nói vậy thầy toàn gạt em sao ? Thầy gói cho em mấy bức thơ, em đã cho lời thầy là thật. Thầy thương em, em thương thầy, thế thì có chi mà phải giấu-giếm ai, Minh đã làm một việc cảnh-đồng còn phải sợ miệng ai gièm pha ? Em đã đủ can - uam mà thù thật cũng và cùng mẹ em, vì em trông cho thầy là một bậc chân-thành không nề gạt em là đứa nghèo hèn cũng khổ. Nếu thầy không có ý cùng em trăm năm tơ tóc, đừng nhà em, mượn thân em mà giải khuấy mọi vai tháng thì lời phỏng định của em đã làm, vậy xin trao lại cho thầy những bức thơ thầy đã viết cho em và xin thầy từ nay trở đi để cho em yên thảo mà nuôi dưỡng mẹ và bà. Trong đời thiếu chi người cho thầy vui thú, thầy gạt chi em. . . . »

Cô Phương nước-nở khóc.

Tôi phải thế ngược chối xuôi rằng sở dĩ trách cô là muốn giả ngộ cùng cô mà thôi, cho tôi son sắt một lòng, không bao giờ giở-thủ-đoan khiếp nhục gạt kẻ thật-thà, chơi hoa cho biết mùi hoa, cảm cần cho biết cần già cần non dàu.

(Còn nữa)

QUAN NIỆM CỦA KIỀU

(Tiếp theo (trương 7))

Phẩm tiên rơi đến tay hèn,

Hoài công nâng giữ mựa gìn với ai!

Lời ăn-bận kia của Kiều, bởi vậy, hoàn-toàn là «tiếng kêu của trái tim», một tiếng kêu thê-lương, trong trẻo. Nó không lẫn một chút gì vác-đục cả. Nếu cho rằng đó là tiếng rên của xác thịt, chúng ta sẽ lầm lẫn. Cần gì rên? Kiều hà chẳng biết rằng mình sẽ phải đi đến một đời xác-thịt hay sao?

Tóm lại, quan-niệm của Kiều về ái-tình là quan-niệm về sự trong-sạch, trong-sạch về vật-chất, trong-sạch về tinh-thần. Nàng muốn giữ mình cho được hoàn-toàn trong sạch khi bước lên kiệu hoa để về nhà Kim - Trọng. Những cảnh ngộ trái lòng, hi-vọng của nàng không được thỏa-mãn. Nàng phải lữ-lóc trong cuộc đời ô-trọc suốt 15 năm. Trong 15 năm ấy, nàng vẫn có nghĩ đến Kim-Trọng. Nhưng ngay buổi đầu ra đi, nàng đã có ý nghĩ tuyệt - vọng đối với chàng Kim :

Trùng phùng đầu họa có khi,

Thân này thối có còn gì mà mong

Đó mới là sự dự-đoán. Đến lúc nàng kêu :

Thôi còn chi nữa mà mong

Đời người thối thế là xong một đời!

sự ô-nhục đã đến. Song nhục-nhà nhưt, đau khổ nhưt là khi trước mặt Tú-hà, nàng phải nói :

Thân trong bạo nệ làm đau

Chút lòng trinh bạch từ sau xin chừa!

Thân ôi! Trinh bạch phải chừa thì còn nói làm sao đến chuyện trong sạch với Kim-Trọng, nếu một ngày kia, nàng lại gặp chàng? Phải, nàng há chẳng có hi-vọng gặp lại người yêu trong cuộc đời lưu-lạc. Có lẽ nàng cũng không muốn nữa, mặc dầu vẫn nhớ. Thế mà cuộc tái-hợp lại có. Và lần này, đối với người tình cũ, Kiều cũng lại nhắc đến chữ trinh. Nàng nói:

Chữ trinh còn một chút này,

Chẳng cần cho vưng lại vớ cho tan!

Như thế là nghĩa lý gì? Nàng làm sao lại có quyền nói đến-trinh nữa, sau khi đã thề chừa nó? Thế mà, lời nói của Kiều vẫn có nghĩa-lý. Ý Kiều muốn tỏ với Kim-Trọng rằng : «Chàng ôi! Giữ ngọc gìn vàng, sự ấy thiếp

Tưởng hát bỏ

Trích lục trong cuốn tuồng «Thanh Lê kỹ duyên» của Hồ Biểu-Chành, lớp thứ tư, lúc Công tử Chân-thanh-Tông vưng lệnh cầm binh vào Nam dẹp giặc Chiêm-Thành để đãi công thực-tội.

THANH-TÔNG

Nói lời. — Đại cung kiếm giả từ Bắc địa; quân binh nhung giải cứu Nam thành. Trãi dâm hộc cây cỏ đura tinh; giọng vô kỹ nước non quen mặt.

Hát nam xuân — Vô kỹ nước non quen mặt,

Hệ làm trai năm chặt hiếu trung.

Nực cười chút phận long-dông,

Vui lòng trọn thảo, đau lòng lờ dầy.

Thợ trời khéo khiến đảo diên,

Anh-hùng với khách thuyền-quyên khó gần.

dành không làm được. Suốt khoảng đời lưu lạc, trong thiên hạ, bao nhiêu người đã làm chủ thân này. Tuy nhiên, chưa ai có thể chiếm được lòng thiếp. Thân thiếp như hoa tàn, pho mặc dòng đời lồi cuồn, nhưng lòng thiếp là một vườn xuân đẹp đẽ, chỉ để rước một mình chàng. Đối với người thiếp yêu bằng tâm yêu chân thiết, thiếp chỉ còn có một cách đối đãi độc nhất, khá gọi là đặc-biệt, là xin chàng mãi mãi làm một người khách qui trong cảnh vườn xuân đó. Ấy là nơi trong sạch, nơi thiêng liêng, chưa hề có một ai lai vãng. Nếu chàng lại muốn bước ra khỏi chốn đó, chàng sẽ gặp ở thiếp chỉ có tàn tạ và dẽ tiện mà thôi.

Ở lời nói ấy, Kiều tỏ ra một người vẫn còn giữ được bản lãnh thanh cao, cốt cách nền nếp, mặc dầu đã dày dạn bụi trần.

Ngày nay, chúng ta thường phân biệt trong sạch về vật chất, với trong sạch về tinh thần và cho rằng trong sạch về tinh thần mới đáng qui. Phân biệt như thế, không phải là một phát minh mới mẻ của thời-dại, vì người xưa đã biết. Nhưng người xưa không lấy làm khinh trọng bên nào. Đối với họ, trong cuộc đời bình thường, sự trong sạch về vật chất sẽ nâng cao giá trị tinh thần; rồi những khi cảnh ngộ bất thường, giữ-gìn tinh-thần cho được trong sạch là một cách độc nhất để bảo-vệ phẩm-giá và hiện-trữ bản sắc của con người khác tục vậy.

TRÚC-HÀ

NÓI CHUYỆN BUÔN BÁN

II

ĐẠY VÀ HỌC BUÔN BÁN

của CẨM-TÂM

Nếu chúng tôi không làm thì Annam mình tuy có trường thương mại, nhưng không có trường dạy buôn bán. Mới nghe qua câu này ai cũng tưởng nó là một câu nói mâu-thuẫn song sự thật quả như vậy. Các trường thương-mại tuy đã mang danh là trường thương mại thật, mà không đào tạo người làm nghề buôn bán, chỉ chuyên lo lập luận cho học sinh biết cách giúp việc thương mại mà thôi! Chương trình dạy kế-toán (comptabilité), danh máy chữ (dactylographie) viết tắt (sténographie), tiếng ngoại quốc (langues étrangères), chứ không thấy có lớp dạy thương mại (commerce). Ấy là không kể lớp dạy kế-toán nhiều trường chỉ dạy biên chép sổ sách (tenue des livres) mà vì muốn quảng cáo cho nhà trường nên phải kêu con mèo bằng ông cạp, ngại một nỗi học sinh nếu biết sau này sẽ trở nên một tên biên chép sổ sách (un teneur de livres) chứ không phải là một viên kế toán (un comptable) là hãy một ông quản lý kế toán (un chef comptable) thì không có trò nào chịu học.

Có người nói buôn bán thì cần gì phải học, ai lại không biết mua quan tư bán quan tâm, lời bốn tiền, nói dạy với

học buôn bán là hãy đặt chuyện nói xàm! Nhưng có người mua quan tâm bán quan tư thì sao? Không có như vậy sao lại có người buôn bán lỗ, đóng cửa tiệm, và bị khánh tận kia?

Gần đây có một vài quyển sách mới xuất bản, dạy cách buôn bán. Chúng tôi rất tiếc những sách ấy không được nhiều người đọc, một là vì giá sách cao quá, không có thể liệt vào hạng sách phổ thông, hai là vì sách ấy luận hạo về đại thương nghiệp thì nhiều, còn về tiểu thương mại thì nói sơ sài, thành ra không thích hợp với phần đông người mình có lòng muốn bắt chước làm nghề buôn bán, nhưng không có bao nhiêu vốn.

Bởi vậy cho nên chúng tôi thấy một vài người đành dưng được năm bảy trăm, hoặc một ngàn đồng, quyết đem số tiền ấy ra buôn bán, đã chịu tổn tiền mua sách dạy thương mại và chịu tổn công đọc những sách ấy, nhưng rốt cuộc cũng không biết buôn bán thứ gì cho có lợi, rồi gác bỏ chuyện buôn bán lại một bên.

Chúng tôi không dám nói sách dạy buôn bán viết chẳng công phu và người viết sách ấy không có kinh nghiệm về nghề buôn bán. Chúng tôi chỉ nói đọc hết mấy cuốn sách ấy

bán giỏi. Nội một việc chỗ lập tiệm, chưa có nào nói đến.

Trên đây chúng tôi nói không có trường dạy và không có sách thích dụng, vậy thì người mình được một số ít đã ra buôn bán như thấy ta đó, mấy người ấy học ở đâu và học với ai? Xin thưa: Mấy người ấy xuất thân làm công trong hiệu buôn của kẻ khác lần lần tăng trải, rồi sau mới dám dưng ra lập tiệm riêng. Ấy là phần đông. Hoặc giả cũng có vài người dám đành liều chưa hề có học mà cũng dám lập tiệm, rồi về sau cũng đứng vững được, cũng chiếm được một địa vị khá quan trên thương trường, nhưng số người giở đũa giở đũa như vậy rất ít. Và phải có giở mới đưa họ lên đến địa vị ấy. Nếu ta điều tra kỹ lưỡng từ người một thì ta sẽ nhận thấy sao sao cũng có một chuyện may mắn giúp họ trong lúc mới khởi sự buôn bán.

Trong một bài sau chúng tôi sẽ bàn đến trường dạy buôn bán, tại sao cần phải có và trong trường ấy dạy những môn nào.

(Còn nữa)

CẨM-TÂM

NÊN ĐÓN XEM

ĐẠI-VIỆT
TẬP-CHÍ
Số 1

RA NGÀY 1^{er} OCTOBRE 1942

MỘT TẬP-CHÍ CHUYÊN
KHẢO CỨU VỀ LỊCH-SỬ
TRIẾT-HỌC, KHOA-HỌC,
Y-HỌC, LUÂN-LY. V... V...



Banh tròn

Hôm lễ thứ bảy tuần rồi, trước một số khán giả khá đông, hội *Thudaumot* đã hạ *Milice* bằng tỷ số 5-2 để đoạt *Challenge Binh - Hòa*. Trận đá sôi nổi và đẹp mắt từ đầu đến cuối vì cầu tương bên nào cũng rần hết sức để đem vinh-diệu về cho hội mình. Vì gặp ngày không may, nên tiền quân *Milice* đã dễ hỏng hai, ba dịp thắng rất rõ rệt. Bèa *Thudaumot* toàn đội đều chơi một trận xuất sắc để đoạt giải và phục thù cái bại trận 4-2 tại sân Phú-nhuan lúc trước.

Xem xong trận này, ta có thể đoán trước rằng trong mùa tranh vô-dịch tới đây, *Milice* và *Thudaumot* sẽ đem tới nhiều sự ngạc-nhiên cho anh em ham mộ banh tròn.

Trước trận chung kết *Challenge Binh-Hòa* có trận chon không giữa *Etoile de Xóm Chiếu* và *Quần-Tám* (3-3). Trận kế là cuộc tranh tài giữa *Lão Tướng Thudaumot* và *Lão tướng Giadinh*. Rốt cuộc *Lão tướng Thudaumot* thắng *Lão tướng Giadinh* 3-2.

Chạy bộ băng đồng

Hôm sáng chúa-nhật vừa rồi, tại Trường-Đua Cú có cuộc đua chạy bộ băng đồng cho các binh-sĩ Nam-kỳ và Cao-miên.

Rốt cuộc tay đua Cadet ở R. T. C. về nhất trước *Collen (Marine)* lối 150m. Kế đó là *De-*

touche (Marine) Charbonneau, Toullion và Thomas.

Cadet chạy 6 cây số trong 21 phút 51 giây. Đoàn 11è R. I. C. đoạt giải về ê-kíp.

Đua xe máy

Chúa nhật vừa rồi có cuộc tranh Vô-Dịch Nam-Kỳ trên con đường Saigon-Tây-ninh và trở về (200 cây số).

Cuộc đua rất sôi nổi nhờ sự bút đi ngay lúc đầu của danh thủ Pháp *Guichaoua* và danh thủ Nam Nguyễn-văn-Thêu, người đã thắng cuộc đua Hanoi - Saigon - Pnom-Penh. *Guichaoua* và Thêu đến Tây-ninh trước tốp nhì ngót 12 phút. Trên con đường trở về *Guichaoua* rũi té nên chỉ còn một Thêu ở trước. Tốp đầu gồm có Nô, Tước, Thủ và Nhựt đuổi theo rất gắt và bắt kịp Thêu tại Hocmôn. Về tới đại lộ *Norodom* 5 tay đi đầu tranh nhau về nước rút. Kết cuộc Nguyễn-văn-Nô đoạt chức Vô địch Nam-kỳ, hơn người thứ nhì là Ngô-tấn-Tước nửa bánh xe. Thủ về ba, Thêu về tư.

Nguyễn văn Nô chạy 200 cây số trong 6 giờ 32 phút trung bình 30 km 600 một giờ.

Lội đua

Chúa nhật vừa rồi tại Hanoi có cuộc so tài giữa 2 hội *Natation Club d'Hanoi* và *Cercle Nautique Annamite de Cochinchine*.

Về môn lội đua C. N. A. C. thua *Natation Club d'Hanoi* 33-28, nhưng về *Water-Polo* Saigon thắng Hanoi 5-2.

NÊN ĐÓN XEM

ĐẠI-VIỆT TẬP-CHÍ

SỐ 1

RA NGÀY 1er OCTOBRE 1942

Một tập-chí chuyên khảo cứu về Văn-học, Lịch-sử, Triết-học, Khoa-học, Luân-lý...v.v...

TIN - TUC THE - GIOI



Trong tuần lễ vừa qua

Chiến-cuộc Âu-tây

NGA-ĐỨC. — Tại mặt trận phía nam, trận đánh *Stalingrad* vẫn còn kéo dài. Thống-chế *Von Bock* tập trung trước *Stalingrad* 200 đội bộ binh (800.000 quân), với hàng trăm chiến-xa và 1.500 máy bay. Quân Đức đã vào được ngoại ô ở phía tây từ đêm 5-9, và đã tiến đến bờ sông *Volga*, nhưng *Stalingrad* vẫn chưa hạ được. Nếu quân Đức nắm quyền bá-chủ trên không-trung thì trong thành *Stalingrad* (một thành phố dài đến 40 cây số, nằm theo bờ sông *Volga*), lại đầy đầy những súng cao-xạ.

— Trong lúc đó, quân Đức cho bay rằng đã chiếm được hải cảng *Novorossisk*, ở phía tây *Caucase*, ngày 7-9; còn ở phía đông *Caucase* thì quân hai bên vẫn cầm cự nhau trên bờ sông *Terek* cách *Grosny* từ 50 đến 60 cây số.

— Tại mặt trận trung-trung và mặt trận phía bắc, quân Nga vẫn còn tấn công.

ANH-Y-ĐỨC. — Tin Berlin cho hay rằng đến cuối tháng tám 1942; hải-quân Anh đã mất hết một phần ba số chiến-hạm và một phần nửa số hàng-không mã-hạm.

— Vài ngày sau, Thủ-tướng Anh *Churchill* tuyên-bố rằng hiện thời số tàu buôn đóng thêm của đồng-minh vẫn nhiều hơn số tàu bị đánh chìm.

Chiến-cuộc Á-đông

— Tại mặt trận Tàu, quân Nhựt vẫn thắng lợi và không-quân Nhựt tỏ vẻ rất hoạt-động. Ở Sơn-dông, cả bờ tham-mưu của đại-tướng *Vu-học-Trung* vừa rồi bị quân Nhựt bắt sống.

— Chánh-phủ Trưng-khánh hiện đang phải lo chỉnh-bị quân-dội. Tướng-giỏi - Thạch vừa triệu tập một hội nghị quan-trọng, với sự tham dự của các đại-tướng Hà - ứng - Khâm, Bạch-sung-Hy, Lý-tôn-Nhon, Trần-Thánh, v.v.

— Hôm 10-9, có tin chánh-phủ Anh ở Ấn độ đang dự-tính đắp một con đường mới để tiếp tế Trưng-Khánh.

— *Port Moresby* bị không-quân Nhựt ném bom (tin ngày 8-9).

Chánh-trị thế-giới

— Ông *Wendell Wilkie*, đặc sứ của Tổng-thống *Roosevelt*, đã đến *Ankara* (Thổ-nhi-kỳ), và sau một cuộc hội đàm với thủ-tướng *Sarad Loglou*, đã từ giả *Ankara* mà đi máy bay qua *Beyrouth* (Syri), hôm 10-9.

— Bèa Anh, tại Hạ-nghị-viện, hôm 11-8, có cuộc thảo-luận về vấn-đề Ấn-độ. Thủ-tướng *Churchill* bị nhiều nghị-viên chỉ-trích.

— Bên Ireland, từ ngày *Thomas Williams* bị xử-tử về tội đã giết một người lính cảnh sát tại *Belfast*, phong-trào chống Anh nổi dậy, và tình-hình có vẻ hơi nghiêm-trọng ở miền bắc Ireland. Trong tuần vừa qua, có nhiều cuộc xô-xát bằng súng đạn.

— *Tia-Domei* hôm 5-9 cho hay rằng lại có thêm một số đồng-yêu nhân của Trưng-khánh theo về chánh-phủ Nam-kinh.

Tin - tức nước

Pháp và thuộc-địa

— Hôm 5-9, thành phố *Ronien* bị máy - bay Anh ném bom, lần này là lần thứ ba: 140 người chết, 400 người bị thương.

— Ở *Madagascar*, sự cuộc tấn-công ngày 5 tháng năm 1942, quân Anh đã chiếm-cử miền cực-bắc của đảo, trong có vịnh quan - trọng *Diego Suarez*. Người ta tưởng họ không còn mưu-toan gì nữa, không ngờ ngày 10-9, quân Anh lại vô cơ mở cuộc tấn-công các hải cảng phía tây *Madagascar* và đổ-bộ tại *Majunga*, ở phía bắc thủ-đô. *Tananarive* và cách *Tananarive* 400 cây số. Quân-dội trên đảo kháng chiến kịch liệt.

Hình như mục-dịch của Anh là muốn được ao-tâm về kinh *Mozambique*, khúc biển giữa *Madagascar* và địa-lục châu Phi, nơi mà tàu bè Anh chạy từ *Cap (Nam-Phi)* đến *Hồng-Hải* thường phải đi qua.

Chánh-phủ Pháp rất bất bình về cuộc tấn-công vô cơ của Anh trên đây.

— Ông *Max Bonafous*, thủ-tướng bộ Vaa - lương và Canh-nông, vừa được cử làm tổng-trưởng bộ Canh-nông, thế cho ông *Leroy Ladurie*, mới từ chức.

in trong nước

Trong tuần-lễ vừa qua

Hội các văn nhơn Nhật phụng sự quốc gia sắp tổ chức một buổi hội họp các danh nhơn Đại Đông-Á với cái mục-dịch chấn-hưng lại nền văn chương Đông-Á. Hội ấy sắp gọi giấy mời : 5 nhà văn trú danh Mãn-châu, 10 Trung-huê, 5 người Chosen, 5 người ở Taiwan, 2 người Đông-Pháp, Thái-lan, Miến-diên, Java và Phi-luật-tân. Những nhà văn sau này sẽ do nhà cầm quyền bản xứ tuyển lựa.

Những học-sanh Đông-Pháp hay dân bảo-hộ Pháp theo học lớp A và B các trường Cao-đẳng tiểu-học Pháp đều có thể xin Chánh phủ cấp học bổng. Kỳ thi tuyển vào hai lớp ấy của trường Cao-đẳng nhà nước sẽ mở. Các học-sanh trường công hay tư gì đều có thể làm đơn xin học bổng được cả. Học sanh trường tư nào có bằng-cấp tú-tài phần thư nhứt có phê chữ *Asses-bien* đều có thể xin cấp học bổng được mà không cần phải thi.

Hôm 7-9-42 rồi, Đô-Đốc Decoux Toàn-quyền Đông-Pháp cùng phu-nhơn đi viếng bãi biển Đồ-Sơn ngoài Bắc. Sáng hôm sau quan Toàn-quyền và phu-nhơn dự cuộc đua ghe bằng năm ở Đồ-Sơn. Sau cuộc đua, quan Thủ hiến Đông-Pháp có tặng kẻ thắng cuộc một cái cúp.

Ông Jalade, phó chương lý, đã ra làm trạng sư. Trạng sư Albert Lung nay trở về phòng văn trạng sư Thảo.

Trạng sư Huyah-văn Chương thì giúp việc ở phòng văn của trạng sư Lavau. Trạng sư Legay bây giờ trở lại làm quan tòa, thay thế cho quan bồi thẩm Claret dời đi Cautho.

Quan Toàn quyền Decoux vừa ký nghị định lập ra tại Đông Pháp một phòng phá án tạm thời trong thời kỳ mà đường giao thông với Pháp bị gián đoạn.

Phòng này được phúc lại tất cả mọi bản án trừ ra bản nào từ trước đã gởi tới tòa án bên Pháp rồi.

Cứ ba tháng thì phòng phá án họp 1 lần.

Nhà-tý Quảng-dông ở làng Hanh-thông-xá (Giadinh), vừa rồi bị một trận hỏa tai thiếu hủy rất nhiều hai cốt do các thân nhơn những người quá vắng khai quật toàn chỗ về cái táng bên Tàu. Những hai cốt này để trong nhà mồ, bị nhang đèn thấp nhiều, quá lại, không ai canh gác, nên 1 trận gió to thổi ngã đèn lên các đồng giấy tiền vàng bạc. Con lửa bốc lên từ 1 giờ khuya tới 5 giờ sáng người gác nghĩa địa mới hay.

Sáng 14 Sept. rồi, các trường trung học nhà nước ở đây khai giảng cho niên khóa mới 1942-43. Nhơn đó, lễ chào cờ đã được cử hành rất long trọng. Quan Thống Đốc Nam-kỳ có đọc một bài chúc từ rất cảm động giữa những cái đầu xanh tím của các bạn niên-thiếu trường Chasseloup Laubat.

Để nhân thế giới thiện viên giám đốc mới cho trường Chasseloup - Laubat, ông Neveu, quan Thủ-hiến Nam-kỳ nhắc như học-sanh cái sự mạng thiêng-liêng no đang chờ đợi bạn trẻ trong việc cải tạo và phục hưng nước nhà mà Thống-chế Pétain đã đặt cả hy vọng vào cái thế hệ tương lai vậy.

Dạy tiếng phương Đông

Sắc-lệnh ngày 4 Aout 1942 ban hành tại Đông-Dương bởi nghị-định quan Toàn-quyền ngày 26 Aout 1942.

Khác với điều thứ 5 của sắc-lệnh ngày 14 Mai 1942, quan Toàn-quyền có thể theo lời tán-thành của quan Giám-đốc Học-chánh (Directeur de l'Instruction publique), ký nghị-định cho phép tư nhơn lập những lớp để dạy tiếng phương đông.

Bản-báo xin đừng tưởng lầm rằng các trường tư được dạy tiếng phương đông, viên-đồng, không cần xin phép trước.



(Tiếp theo)

Tết hót mà đáp : « Châu nó nói cô bà cô với ông giương về ở coi nhà giàng. Nó đi Càmau, bị xe trục-trục rồ rồ, nên ghé đây mà nghỉ rồi sáng mai sẽ đi. Mà nó biểu bày trẻ đơn cơm riết đi đặng châu nó ăn với »,

Bà Tết nghe như vậy thì vội vả đi thẳng vô nhà sau. Cô Quyên, tóc còn bỏ xõ sau lưng chớ chưa bới, cô ngo cậu Xuân mà cười rồi đi theo mẹ vô trong.

Cách chằng bao lâu, cô Quyên trở ra mời cha và cậu Xuân vô trong dùng cơm.

Bốn người ngồi chung quanh một cái bàn tròn. Quyên ngồi gần Xuân, cứ ngo Xuân mà cười.

Bà Tết hỏi Xuân : « Châu đi Càmar thăm ruộng hay là đi có việc chi ? »

Xuân dụ dụ một chút rồi mới đáp :

— Dạ thưa... cũng vì việc ruộng đất độ nên châu mới đi.

— Châu muốn kiếm người khác mà cho hóa phải hôn ? Bây giờ lỡ mùa rồi ; muốn đổi người hóa thì phải chờ qua tháng giêng, gặt rồi mới đổi được. Mà theo ý thím, thì châu nên ruộng đó cất nhà cất lẫm mà ở, rồi qui là điều hơn thơn châu khai phá thì tốt hơn.

Họ hóa đất, họ lo kiếm cơm họ ăn, chờ họ có lo làm cho ruộng mình tốt dần. Nếu châu không cho Hượng - thán Khiêm hòa nữa, châu đổi người khác, thì cũng vậy. Đất của chú thím cũng mua một lượt với đất của anh Hội-dồng. Nhờ chú thím ra công khai phá nên bây giờ thành điền hết rồi. Mặc thím ở dưới gần một thàng, thím coi cấy xong, thím

của HỒ-BIỂU-CHÁNH

mới trở về ba bữa rày, chờ không thì thím đi theo châu đặng thím chỉ cho châu coi. Một ngàn mẫu đất của chú thím năm nay cấy giáp hết. Thím cho mượn tới 2 gia một công, mấy chỗ tốt cho tới 2 gia rưỡi. Châu ra công mà làm, trong ít năm nữa rồi đất của châu cũng thành điền hết như vậy.

— Châu không biết làm ruộng, lại không có vốn, nên khó mà làm được.

— Châu không biết thì chú thím chỉ cho ; còn như thiếu vốn thì chú thím giùm cho.

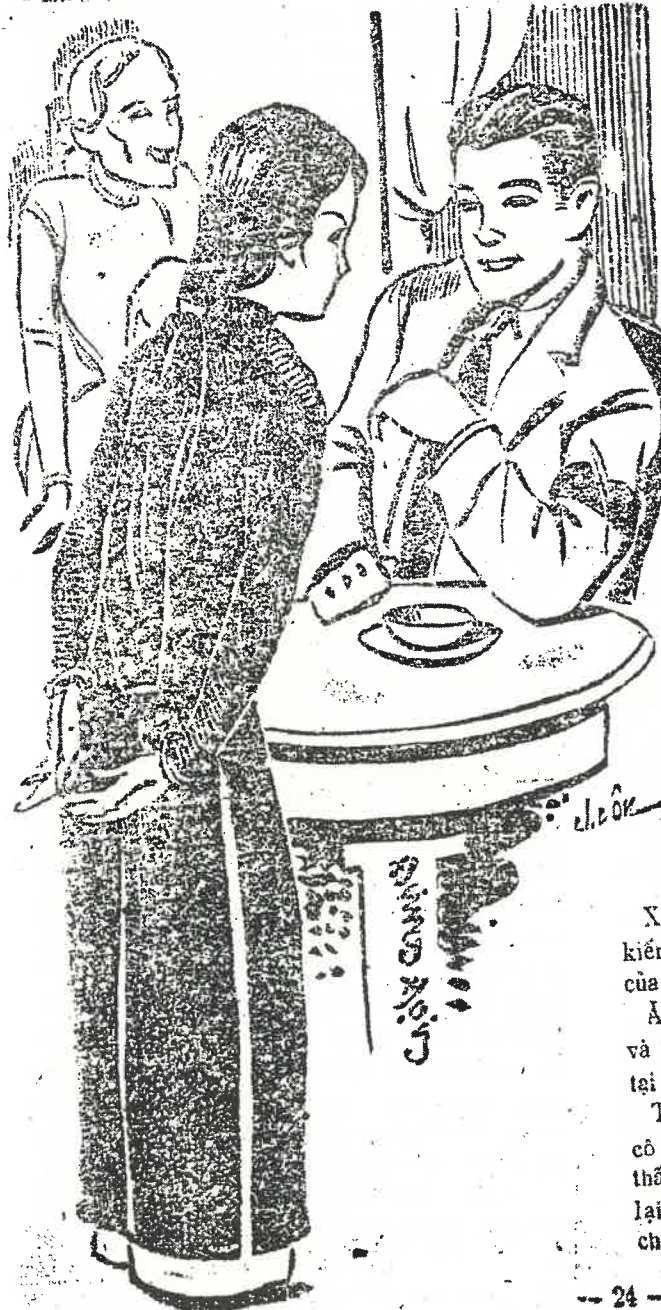
— Châu xin thưa thiệt với thím, không biết ngày sau thế nào, chờ hiện bây giờ châu không thích nghề làm ruộng chút nào hết, châu muốn học cho có tài rồi làm những việc vĩ-dại kia.

— Châu không thích làm ruộng, là vì châu chưa đạp chum vào nghề ấy. Nghề làm ruộng vui lắm cháu. Lúc cấy rồi, lúa lên tươi tốt, sớm mới hoặc chiều mình ngo vô ruộng thì trong lòng khoẻ-khoắn không biết chừng nào. Lúc lúa trở đều rồi, h y là lúc lúa chín vàng vậy, nhà-nông vui-vẻ vô hồi. Lại ở ruộng, mình trông cây trái chung quanh nhà, mình nuôi gà nuôi vịt, mình trồng cải trồng rau, mình đuo ao nuôi cá, mỗi ngày mình săn sóc thú mình nuôi, mình vun phân tưới nước đỡ mình trồng, vui biết bao nhiêu. Chốn điền-viêng có nhiều thú vui lắm cháu.

— Châu thưa thiệt, tâm hồn của cháu chưa biết vui những thú ấy.

Ông Tư-Tết cười mà nói : « Hồi chiều cháu nói cháu không thèm cưới vợ, nghĩa là cháu không biết yêu thú gia-dinh. Bây giờ cháu lại nói cháu không thích thú điền viên. Thiết chủ không hiểu ý cháu muốn sự gì. Cháu không chịu làm ruộng, vậy chờ cháu tính đi xuống Cà mau làm chi đây? »

Xuân lo-lắng một chút rồi thủng-thủng đáp : « Cháu xin tỏ thiệt với chủ thím, có ông Cả



Bình ở Cà-mau òng lên hỏi cháu mà mua số đất của ba cháu đó. Vì vậy nên cháu đi xuống đó dâng tình thú coi ».

Tư-Tết nghe mấy lời ấy thì òng chống đũa ngo Xuân tràn-tràn và hỏi :

— Cháu tính bán số đất đó hay sao ?

— Thưa, đất ở xa quá, lại đất nước mặn, phần thì cháu không thạo việc ruộng nương, bởi vậy cháu tính nếu họ mua phải giá thì bán cho rành.

— Hử ! Anh Hội-đồng mất mấy bữa rày, cháu làm giống gì mà gấp dữ vậy ?

— Cháu không biết làm ruộng, nếu để ruộng thì không có ích chi hết.

— Ruộng mà cháu nói không có ích, thế thì còn thú gì có ích nữa đâu !... Anh Hội-đồng mất, anh không có để chút ít tiền bạc gì cho cháu hay sao, nên cháu phải bán đất mà xài ?

— Thưa, hôm ba cháu mất, cháu mở tủ sắt thì còn được một ngàn bảy trăm đồng. Tổng tổng ba cháu chỉ tốn có 900, trong nhà còn dư lại được 800.

— Còn dư tiền sao lại tạt-dạt bán đất ? Người có chí cần kiệm, nếu họ có vốn 800 đồng bạc, thì họ làm rồi có thể gây dựng một sự nghiệp lớn được. Hồi chú cưới vợ rồi ra ở riêng, chú chỉ có 500 đồng bạc mà thôi, chờ nhiều-nhồi gì. Cháu bây giờ có tới 800, lại có một ngàn mẫu đất, có nhà cửa vườn tược sẵn-sàng nữa, cháu có đủ phương thế mà làm giàu, sao cháu không tính hồi-đắp mà lại tính phá-hoại ?

Xuân thấy sắc Tư-Tết không vui, lại không kiếm được lời mà đáp với mấy câu hữu lý của ông, bởi vậy cậu không cãi nữa.

Ăn cơm rồi, bà Tết biểu Xuân thay đồ mát và biểu người nhà tải chiếu giăng mùng sẵn tại một bộ ván lớn để Xuân nghỉ.

Tư-Tết lại ngồi tại bàn giữa mà ăn trà, có cô Quyên cà-rà ngồi một bên. Chừng òng thấy Xuân thay đồ mát rồi, òng mới kêu cậu lại biểu ngồi ngay trước mặt mà hỏi : « Hồi chiều cháu nói dần thế nào cháu cũng đi học

nữa, chờ cháu không chịu bỏ học để cưới vợ mà lo việc nhà. Nếu cháu đi học nữa, mà cháu bán đất rồi cháu lấy tiền học làm việc gì đâu, cháu nói cho chủ nghe thú coi ».

Xuân suy nghĩ một chút rồi đáp :

— Cháu bán đất lấy bạc gửi hết vào ngân-hàng, mỗi năm cháu rút số tiền lời mà ăn học. Chừng nào cháu học thành tài rồi, cháu sẽ dùng số bạc ấy ra để làm vốn mà làm ăn.

— Vậy chờ cháu giữ nguyên đất ấy, mỗi năm cháu lấy quê-lợi mà ăn học không được hay sao ?

— Huê-lợi ít quá ; lại nếu để đất thì mỗi năm phải lo đóng thuế, phải lo cho mướn, phải lo thân gop lúa ruộng, cực lòng mà lại tốn hao nữa.

— Cháu cần dùng tiền mà ăn học mỗi năm chừng bao nhiêu ?

— Thưa, chừng vài ba ngàn.

— Học gì mà tốn hao nhiều dữ vậy ?

— Cháu tính về lấy đủ hai bằng Tú-tài rồi thì cháu sẽ đi Tây mà học thêm nữa, học cho tới bậc cao-đẳng.

Tư-Tết gãi đầu cháu mày, rồi ngo vợ năm bên bộ ván ngang đó.

Bà Tết nói : « Cháu nói mỗi năm cháu cần dùng 3 ngàn đồng bạc mà ăn học. Vậy thôi cháu đừng có bán đất ; cháu để thím mướn, mỗi năm thím trao cho cháu 3 ngàn, thuế vụ thím đóng cho hết thầy ».

Xuân ngồi lặng thinh suy nghĩ. Có Quyên ngo cậu mà cười, song cậu cũng cứ giữ một mực nghiêm-nghĩ.

Ông Tư-Tết hỏi :

— Anh Hội-đồng mất, mà anh có để nợ nần gì hay không ? Cháu nói thiệt cho chủ biết.

— Thưa, không. Ba cháu mắc nợ thì năm ngoài đã bán đất Bình-Thủy mà trả dứt rồi, không còn thiếu ai đồng-nào hết.

— Nếu không có nợ sao lại ạt đất bán đất ? Này cháu, tuy anh Hội-đồng với chú là anh em bạn, chờ không phải anh em ruột, song thỡ nay chú thương anh lung lắm. Vì thương nhau nên năm-trước chú mới xúi anh đầu giá mua đất Cà-mau đó. Chú mua một ngàn mẫu, anh mua một ngàn mẫu, hai anh em tính hiệp lực mà khai phá. Vì bị họ giành nên mua có mất một chút.



— Cháu có coi giấy tờ, mua số đất đó tốn gần 39 ngàn.

— Phải, Tuy nói mua mất, song theo giá đất bây giờ thì không mất đâu. Tiếc vì mua vừa mới một năm kể anh có bệnh, rồi anh phải hút, nên không thể chịu cực xuống Cà mau ở mà khai phá được. Nay anh theo ông theo bà, cháu là con trai, cháu phải kể chi cho anh. Chú khuyên cháu, thôi, đừng đi học nữa, cháu cưới vợ rồi xuống ở dưới-Cà mau lo qui tụ tá-điền mà mở đất. Chú dám nói chắc, cháu khai kinh đắp đập, lên bờ, cháu làm trong 5 năm thì cháu sẽ trở nên một vị điền-chủ lớn, có đôi ba chục ngàn gĩa huê-lợi. Như cháu chịu làm thì chú sẽ bày biện giúp cho ; có cần dùng tiền mà đào kinh, hoặc cất nhà, hoặc mua lúa để nuôi tá-điền, thì chú sẽ giúp cho. Chú thương cháu cũng như thằng Triệu, nên chú mới chỉ biểu như vậy. Cháu phải nghe lời chú.

Xuân ngồi cay móng tay mà suy nghĩ.

Cô Quyên với lấy một cái vú cau mà liêng trụng cạnh tay Xuân rồi cười ra tiếng. Bà Tết thấy vậy thì trách con : « Đừng có vô phép như vậy, con. Để cho anh con nói chuyện chớ ».

(Còn nữa)

(Tiếp theo)

KIỆM - HIỆP TIÊU - THUYẾT

do Thân-Văn NGUYỄN-VĂN-QUI

Dịch truyện « LE VICOMTE DE BRAGELONNE »
của ALEXANDRE DUMAS

DỨC ông.

« Bê-hạ ngự
« ra chốn biên
« thủy. Nghe sự

« ấy tự nhiên ngài biết rằng Bê-hạ sắp thành-
« hôn. Tôi rất hân-hạnh được Bê-hạ nấy cho
« cái trọng-trách cai quản binh mã-ki. Tôi
« biết rõ Bê-hạ lấy làm vui mà nghỉ một ngày
« ở Blois, cho nên xin Ngài cho phép tôi
« mượn đồ ngồi yên của Ngài cho Bê-hạ ngự.
« Nếu như sự yêu-cầu tình cờ này làm cho
« Ngài bối rối thì nhờ Ngài nói lại với khám-
« sai của tôi, là một nhà qui-phái nơi trường-
« hạ. chữ đặt Tũ-tước Brageloane. Cuộc hành-



« rantin. Tôi ước-ao sao Ngài không phụ lời
« tôi để tôi có dịp mà biểu lộ lòng ngưỡng-mộ
« của tôi và ý tôi muốn làm cho Ngài vui dạ ».

Linh-Bà ngó chông và nói :

— Đức Hoàng-Thượng ngự ra đây thì còn
gì vinh-diệu bằng ?

Điện-hạ nói :

— Xin Túc-hạ vì tôi mà thay lời cảm ơn
Điện-hạ Condé và nói lại rằng tôi không dám
quên cái việc ngày hôm nay mà Ngài làm cho
tôi rất vui dạ.

Raoul nghiêng mình trả lễ.

Đức ông tiếp hỏi :

— Chúng nào Bê-hạ tôi
đây ?

— Bẩm Ngài, chắc là chiều
nay.

— Nếu gặp như vậy rồi
như tôi trả lời « không » thì
làm sao hay kịp ?

— Bẩm Ngài, tôi được lệnh
nếu Ngài trả lời « không », thì
tôi phải quay trở về gặp đấng
báo tin cho thám-tử ở Beaugency
biết, rồi thám-tử trở lại sau
mà báo cho Điện-hạ tôi.

— Như vậy thì ngay bây giờ
Bê-hạ đã tới Orleans ?

— Bẩm Ngài, gần hơn nữa.
Bê-hạ có lẽ đã tới Meung rồi.

— Trào - thần có họ - giá
không ?

— Bẩm Ngài, có.

— À, tôi quên hỏi tin tức
quan Tể-tướng.

— Bẩm ngài, Tể-tướng xem
mọi mặt khỏe.

— Máy /dưa châu gái Tể-
tướng chắc là có đi theo, phải
không ?

— Bẩm Ngài, không. Tể-
tướng bảo máy có tiễn-tho

« trình của tôi
« lụy nơi sự
« nhứt-định của
« Ngài. Nếu ghé
« Blois không
« được thì tôi đi
« ngã Vendôme
« hay là Romo



Mancini di Brouage. Mấy cô đi mé bên kia
sông Loire còn trào-thần đi mé bên này.

— Úa, tiêu-thơ Marie de Mancini cũng là
triều nữa à ?

— Bẩm Ngài, trước như là cô.

— Cảm ơn Tũ-tước. Tôi muốn nhân với Điện
hạ Condé rằng tôi rất đẹp lòng túc-hạ, song
chắc có lẽ túc-hạ không đem lời ấy mà thưa
lại được, vậy để Ngài tôi đây tôi sẽ nói ngay
với Ngài.

Raoul nghiêng mình đáp lễ. Đức ông bèn
ra lấy báo lệnh-Bà nhận chương. Túc thi Saint-
Remy và quan hầu bước vô.

Đức ông nói :

— Bê-hạ cho ta cái vinh-diệu tiếp tước Bê-
hạ ở Blois này. Vậy ta muốn si Bê là
cháu của ta, không tiếc cái đặc-ân của người
ban cho nhà ta.

Saint Remy và các sĩ-quan bèn tung-hỏ :
« Thiên-tử vạn tuế ! »

Đức ông cười dẫn lộ về buồn-bực, vì trong
đời của Ngài, Ngài đã từng nghe hoặc đã
từng chịu câu « Thiên-tử vạn tuế ». Đã hèn
lâu, lỡ tai Ngài vắng nghe câu ấy, cho đến
ngày nay lại thấy một trào vua trẻ-trung, sốt-
sắn, chói-òe, sừng-sừng trước mắt tựa-hồ
như một sự khêu-khích đau đớn vậy.

Linh Bà rõ thấu những nỗi khổ-tâm của
chông, nên linh bà liền đứng dậy. Đức ông
cũng đứng theo. Lúc ấy sĩ-quan bao chung
quanh Raoul đứng có hạn hồi. Linh bà ngó
thấy bèn kêu Saint Remy quở rằng :

— Không phải là lúc làm rầy, phải lo-làm
việc.

Túc thi Saint-
Remy gửi-tán sĩ-
quan. Raoul lừa
dịp ra phòng
ngoài. Linh Bà
báo Saint Re-
my lo tiếp đãi
Raoul. Saint Re-
my bèn chạy
theo Raoul nói :
— Linh Bà dạy
chúng tôi tiếp
đãi Tũ-tước và
mời tũ-tước giải
khát, lại có dọn
cho Tũ-tước một căn phòng tại đền.

— Cảm ơn ông, nhưng tôi còn bận phải đi
thăm cha tôi.

— Phải, tôi quên, xin tũ-tước nói lại với
bà tước rằng tôi kính chào ngài.

Raoul từ-giã ra đi. Vừa dắt ngựa đi ngang
dưới cửa đền thì trong đàn hèm có tiếng
người kêu nhỏ-nhỏ : « Ông Raoul ! »

Tũ-tước lấy làm lạ, liền xây mình lại thấy
một cô gái tóc đen, để một ngón tay lên môi
và bà bắt tay chào. Tũ-tước không biết nàng
nọ là ai.

RAOUL bước tới hỏi :

— Tôi mắc con ngựa đây, làm sao theo cô ?
Thứ vậy mà cũng bối rối ! Ông hãy ra

TAY-PHƯƠNG HIỆP-SI TAY-PHƯƠNG HIỆP-SI

ngoài sân kia, có còi trại, ông cọt ngựa ở đó, rồi trở về cho mau.

— Tôi xin vàng.

Nội trong giây phút, Raoul đã cọt ngựa xong và trở về đang hẻm, thấy nàng bí mật nọ đang đứng tại một cái thang lầu khu ốc.

Nàng nọ thấy Raoul đứng thì cười và hỏi :

— Ông có đủ can đảm theo tôi không, ông phạm-kị giang-hồ ?

Raoul gặt đầu rồi nhảy theo sau nàng nọ, leo ba tầng lầu. Đang thì tối, nên cô lúc Từ-tước phải mở tay để kiểm chỗ vịn, mà mỗi lần như vậy, lại đụng chèo áo hàng của nàng kia. Raoul có lẽ bước trật nấc thang thì nàng xuyt một tiếng rồi đưa bàn tay dịu-nhiều, thơm-phức kéo chàng.

Raoul bèn nói :

— Nếu leo như vậy tôi chột đèn cũng không biết mệt.

— Ông nói như vậy nghĩa là ông hồi-hồi lo-sợ. Mà kể ông sao, ông hãy an lòng, đã tới rồi đây.

Nàng con gái liền xô một cánh cửa mở ra, ánh sáng gội vào thang lầu. Nàng cứ đi, Raoul cứ theo. Nàng bước vào một căn phòng, Raoul cũng vào.

Vào phòng rồi, chàng nghe có tiếng kêu tên mình. Chàng xây lại, thì thấy cách đó hai bước, có một cô gái tóc vàng, cặp mắt nhắm lại, hai tay chấp ngực.

Chàng nhìn vào cặp mắt kia thấy chứa chan không biết bao nhiêu ái-thuật, không biết bao nhiêu hạnh phúc, chàng bèn quì gối xuống giữa phòng, miệng kêu : « Louise ».

Louise thở ra mà nói :

— Chị Montalais ơi, chị gạt tôi chị mang tôi đi.

— Tôi gạt cô à ?

— Phải, bởi vì chị nói chị xuống đất hỏi thăm tin tức, rồi chị lại dắt người ta lên đây.

— Phải dắt lên, chờ nếu không thì làm sao người ta được bức thơ của cô viết khi này.

Nói rồi cô chỉ bức thơ còn để trên bàn. Raoul bước tới tình lấy, song Louise lạnh-lẻ

hơn, nàng đưa tay cản lại. Raoul bắt lấy bàn tay ấm-áp và rung-rẩy của cô, đưa lên môi, hôn một cách cung-kinh.

Đang khi ấy, Montalais lấy bức thơ xếp lại làm ba rồi bỏ vào cổ áo, mà nói rằng :

— Cô đừng sợ, cô Louise. Không lẽ Từ-tước lại thọc tay vào áo của tôi mà lấy.

Raoul thấy hai cô cười, thì đỏ mặt, mà quên rằng mình còn cầm tay cô Louise. Montalais nói :

— Louise, bây giờ chắc cô hết chấp tôi về sự tôi dắt Từ-tước lên đây. Còn ông Từ-tước, cô lẽ ông cũng không giận tôi về sự tôi mời ông theo tôi lên thăm cô này. Thôi, chị em đã giải-hòa rồi, thì ta hãy cùng nhau trò chuyện như thế biết nhau lâu ngày. Cô Louise, cô hãy trình-diện tôi cho Từ-tước đi.

Louise cười duyên, nói :

— Ông Từ-tước, tôi lấy làm hàn hạnh mà trình cho ông biết cô Montalais là gái hầu của lịch Bà và bạn chí thiết của tôi.

Raoul nghiêng mình chào và hỏi :

— Còn tôi, cô Louise, cô không giới thiệu tôi cho cô đây biết sao ?

— Cô cần chi ; chị đã biết ông. Có việc gì mà chị không biết đã.

Lời nói thật-thà ấy làm cho Montalais cười và nói :

— Cuối trình-diện đã xong, bây giờ xin mời ông Từ-tước ngồi và cho hai chị em tôi biết coi ông đem tin chi về đó.

— Thưa cô, tôi không cần giấu nữa. Hoàng-thượng ngự ra Poitiers, ghé lại đây thăm Điện-bà.

Montalais vỗ tay nói lên :

— Hoàng-thượng ghé đây à ! Vậy thì chị em mình sẽ thấy được trao-thần ! Cô Louise, việc ấy chắc cô không ngờ, phải không ? May quá, may quá ! Chừng nào Hoàng-thượng mới tới, ông Raoul ?

— Chiều nay thì có lẽ, mai thì chắc hơn.

(Còn nữa)

QUỐC - GIA

KỊCH - ĐOÀN

Báo « Phông-Sư »
ngày 19 Aout 1942

DƯỚI quyền chủ-ọa của quan Thủy-sư Đô-đốc Decoux, Toàn-quyền Đông-Pháp, hội hôm này Quốc-Gia kịch-đoàn đã ra mắt khán-quan với vở tuồng lịch sử Pháp-Việt sơ giao.

« Quốc-Gia kịch-đoàn » thành lập, chủ tâm là để nung sao nghệ-thuật, to điểm kịch-giới nước nhà, dựng khối sắc hơn. Tuy ban tổ-chức đã khiếm tốn cho kịch-sĩ là chúng tay « mơ » song chắc ai nấy cũng như chúng tôi, đều phải công nhận rằng những tay mơ ấy lại chẳng kém gì những nhà nghệ trong kịch-giới. Cô Năm-Phi, lúc sau này không hay thính bóng cô thấp-thoảng trên sân-khấu nữa, nhưng cô đóng vai Công-chúa Ngọc-Truyền thật xuất sắc, cái phong độ hồi xưa người ta vẫn còn tìm thấy ở nơi cô.

Vở tuồng « Pháp-Việt sơ giao » bảo nó là hát theo lối cổ tức hát-bộ thì không đúng, vì thỉnh-thoảng kịch-sĩ cũng có ca kiếm-tiền, xàng-xé ; bảo nó là tuồng hát cải-lương cũng không đúng nữa, vì bộ tịch của tất cả người ở trên sân khấu đều là hồ tịch hát bộ. Còn cho nó là kịch thì sao lại có ca ? Thế nên vở tuồng này nên bảo là nó dung hòa ba thứ trên đây mới đúng.

Đó là một sự dung hòa khéo, có thể làm vừa lòng được tất cả các giới khán-giá.

Mới ra mắt lần thứ nhất mà « Quốc-gia kịch-đoàn » đã thân tặng một kết-quả đáng mừng.

Lời phê bình của báo quốc-âm về đêm hát 18 Aout 1942 của Quốc-gia Kịch-đoàn diễn tuồng Pháp-Việt Sơ-giao tại nhà hát Tây Saigon

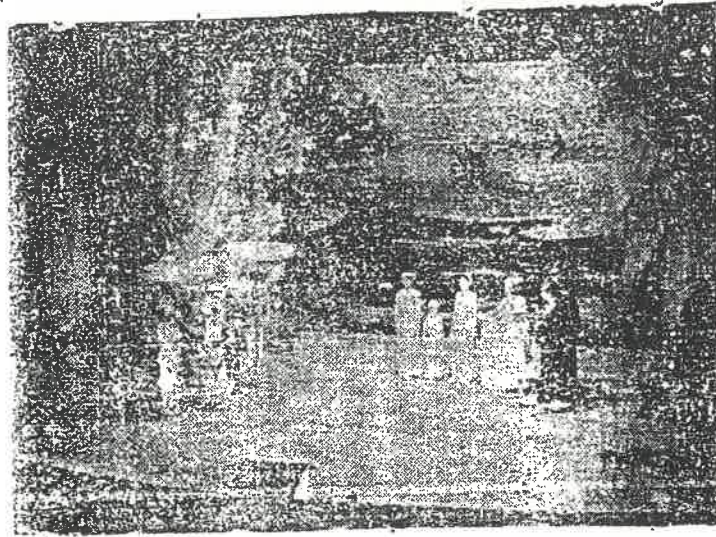
Báo « Lục-Tinh Tân văn »
ngày 19 Aout 1942

KHÔNG phụ với sự mong-mỏi của công-chúng bấy lâu nay ước ao rằng được có một gánh hát chuyên môn diễn những tuồng sự tích nước nhà. Thế hôm nay Chánh-phủ đã cho thành lập gánh « Quốc-gia kịch-đoàn » để bù vào chỗ khuyết điểm lớn lao ấy.

Và quả thật không sai với những lời quảng-cáo của chúng tôi đăng trên mặt báo này trong những lúc trước đây. Tin « Quốc-gia kịch-đoàn » sẽ ra chào đời tại rạp Hát Tây, với bốn tuồng mới mẻ thích-thú, đủ cả trung cang nghĩa khí, tiết liệt tận trong báo quốc, tận hiếu báo phú cứu, ấy là tuồng « Pháp-Việt sơ-giao » dưới quyền chủ-ọa của hai quan Đô-đốc Thủy-sư Decoux, Toàn-quyền Đông-Pháp và Thống đốc Nam-kỳ Rivoal.

Đêm hôm rồi trời mưa khá to, và tuy trong chương trình định đến 9 giờ thiếu 15 phút mới khởi diễn, nhưng mới 8 giờ hơn đã chật ních phòng rạp hát trên lầu và dưới đất.

Và đến đúng 9 giờ thiếu 15, sau khi quan Đô-đốc Decoux cùng quan Thống-dốc Rivoal đến, phường nhạc của thủy binh thổi quốc-thiệu chào mừng rồi liền kể đó khởi diễn.



Một cảnh trong vở tuồng « Pháp-Việt sơ giao » lúc hoàng-tử Cảnh khởi hành theo đức Giám-mục Bá-da-Lộc qua Pháp xin binh cứu viện.

Toàn ban « Quốc-gia kịch-đoàn » đều trở hết tài nghệ nên rất xuất sắc, và hát làm cho khán-giả đêm hôm ấy phải một phen hồi hộp lo sợ, cảm động triền miên.

Những gương trung-cang nghĩa khí, tiết nước quên mình, được phỏ bày một cách rõ-rệt. Và viết đến đây chính người viết mấy hàng này cũng bất hồi hộp, thương mến thân phục vô hồi những kẻ nghĩa-sĩ ấy, chỉ biết có vua có nước chờ không có mình.

Thiệt là gương ái-quốc đêm hôm rồi được nêu lên một cách sản-suốt. Hay nhất là cái cổ ý của nhà đàn-cải cho khán-giả rõ biết những cái chết của những bậc trung trinh nghĩa khí ấy trời cũng phải động lòng nữa; là sấm chớp liên-miến.

Đoạn đến đoạn chốt, sau khi đức Cao-Hoàng Nguyễn-Ánh khắc phục được thành Saigon, và đương mưu định chờ mùa gió nồm khởi tấn công đánh quân Tây-Sơn, thì đức cha Bá-da-Lộc viện binh của Lang-sa được đem trở qua cùng Hoàng-tử Cảnh.

Thật là lúc này mới tả đủ rõ nghĩa với tên của vở tuồng « Pháp-Việt sơ giao ».

Màn chốt lại càng làm cho khán-giả cảm động hơn hết nữa là cảnh « tượng sống » có Pháp Nam ào lộn và hai là cờ tam-tài và long-tinh chung bằng người rất ngoạn-mục và rất cảm động.

Báo « Điện - Tín » ngày 20 Aout 1942

ĐOC lịch-sử nước nhà, ai lại không nhớ cái buổi Nguyễn-Ánh lâu quốc, sau nhờ đức thầy Bá-da-Lộc cầu viện binh thế nào để giúp đỡ cho nên nghiệp. Cảnh cái đoạn sử-ký ấy, tuồng « Pháp-việt sơ-giao » hôm qua đã đem nhắc lại giữa ngàn mắt khán-giả tại nhà hát Tây, dưới quyền chủ tọa của quan Toàn-Quyền Decoux.

Buổi hát này do sở Tuyên-Truyền tổ chức, nên khi quan Thủ-Hiển đến, các ông Nonvel de la Flèche, Hồ-Văn-Trung, Trương-vinh-Tổng, Nguyễn-thành-Điêm ra đón rước.

Từ giờ kịch-trường rất lâu, cho nên ai này cũng muốn ngóng trông xem lại có Năm Phi. Có Năm vẫn còn trẻ tươi, vẫn còn những điệu bộ không thể nào để quên được.

Về phần tuồng đã sửa đi sửa lại nhiều lần do các tay ông Hồ-văn-Trung, Guillou, Trần-hữu-Trang v. v...

Báo « Saigon » ngày 21 A out 1942

NHƯ báo này đăng tin trước, tối thứ ba 18 Aout, « Quốc-Gia kịch-đoàn » đã ra mắt công chúng lần thứ nhất tại nhà hát Tây.

Một buổi hát long trọng hiếm thấy ở Saigon. Có quan Toàn-quyền, quan Thống-đốc và gần đủ các quan chức Pháp-Nam đến dự-khán.

Vì sự long-trọng hiếm có và cái ý nghĩa hay ho của buổi hát này — khác hẳn những buổi hát thường — nên chúng tôi không thể thuật tóm tắt trong số báo ra sáng thứ tư, mà để đến bữa nay nói tới kỹ càng hơn.

Trước hết ta nên biết : ban « Quốc-gia kịch-đoàn » không phải cốt hát để kiếm-tiền, mà cốt đeo đuổi một mục đích cao qui hơn : giáo dục quần-chúng, tuyên-truyền những tư-tưởng hay, hiển dương tinh thần Pháp-Nam hiệp tác.

Bản tuồng chọn lựa đem diễn lần đầu, đủ tỏ cho ta hiểu mục-dịch của « Quốc-gia kịch-đoàn ». Bản tuồng ấy là « Pháp-Việt sơ giao », rút một đoạn trong Việt-Nam sử-ký do các ông Nguyễn-thành-Điêm, Michel Mỹ, Hồ-văn-Trung, Đặng-thúc-Liêng và Gouillon hiệp nhau soạn.

Về cách diễn của đào kép, ngoài cô Năm Phi ra, phần nhiều đều là « tài-tử » chứ không phải nhà nghề, và lại diễn tuồng lịch-sử rất khó, diễn được như vậy cũng gọi là khá-quan. Hướng chi tuồng này còn diễn đi diễn lại nhiều lần ở các tỉnh, càng diễn càng quen, và sửa đổi lần hồi ít càng hay thêm.

Chúng tôi ước được xem diễn lần thứ hai tại Saigon sau khi đã trải qua hết các tỉnh trở về.

Trong bài hôm nay, chúng tôi chỉ cốt nói một điều : « Quốc-gia kịch-đoàn » là một sáng-kiến hay, cái bước đầu của nó thật đáng khuyến-kích, và hứa hẹn với tương-lai nhiều lắm.

Bản tuồng chọn lựa thật hay và có ý nghĩa. Tuy dấu tích xưa còn đó, song những chốn

noa rừng rú nay đã hóa ra những phố-phường tốt đẹp, thành-thị nguy-nga. Con giặc-giã loạn-ly đã hết. Xem trên sân khấu thấy diễn lại cảnh chúa Nguyễn chạy giặc, Vương-Phi đức ruột lia con, Công-chúa Ngọc-Truyền cầm binh cổ thủ Hà-tiên, đến khi thất thế liều mình tự tử...

Tướng Lê-phước-Điền hiền thân cứu chúa... Những tấm gương anh hùng liệt nữ làm cho lòng ta sôi nổi ước ao, song càng thương xót người xưa bao nhiêu ta lại càng nhận thấy cảnh thái bình yên ổn hiện tại bấy nhiêu.

NÊN BÓN XEM

ĐẠI-VIỆT TẬP-CHÍ

SỐ 1

HÀ NGÀY 1er OCTOBRE 1942

Một tập-chí chuyên khảo cứu về Văn-học, Lịch-sử, Triết-học, Khoa-học, Luận-lý, v...v...

Hội giống người xưa gieo vãi, nay dám chửi mọc rễ đã sâu.

Sợi giây của đức cha Bá-da-Lộc và Hoàng-tử Cảnh nối giữa hai nước Pháp Nam, ngày nay đã thành một sợi giây bền chặt.

Sự hiệp-tác Pháp-Nam khởi sự giữa vua Gia-long với đức cha Bá-da-Lộc và các võ quan Pháp ngày xưa đến nay vẫn còn cần và chúng ta đang tiếp tục.

Báo Dân-Bào ngày 21 Aout 1942

Tối hôm thứ ba mới rồi, tại nhà hát Tây « Quốc-gia kịch-đoàn » đã diễn tuồng « Pháp-Việt sơ-giao » của ông

Michel Mỹ. Hay nói cho đúng, thì ông Nguyễn thành-Điêm đã phỏng theo tuồng « L'Année sous la Terreur » của ông Michel Mỹ mà diễn

ra tuồng này, rồi lại được các ông Hồ-biến-Chánh, Đặng-thúc-Liêng, Gouillon và Trần-hữu-Trang nhuận sắc lại rất kỹ lưỡng. Đêm hát

này là do sở Thông-tin, Tuyên-Truyền và Báo giới Nam-kỳ đã tổ chức để tỏ tình liên lạc Pháp Nam và giúp đỡ cho quý-Cửu-tế Quốc-gia và Đông-Pháp Học-xã.

Chính quan Toàn-Quyền Decoux đã thân hành đến chủ tọa đêm hát.

Những cơ hội để cho đôi bên được tiếp-xúc, gần-gũi và chứng tỏ thâm tình với nhau như thế này thật là đáng quý đáng nhớ và nên coi nhiều. Nghĩ đến đó, chỉ tới không thể không ngợi khen cái sáng-kiến tươi đẹp của sở I.P.P, khi sở ấy đã tổ chức đêm hát mới mẻ này.

Vừa đúng 8 giờ, thì rạp hát Tây đã đông chật cả, chẳng còn bỏ trống một chỗ nào. Công chúng Sài-thành đã đến đông, không những

để hoan-ngình có Năm Phi, mà cũng để xem một đoạn lịch sử rất quan hệ trong cuộc giao hảo Pháp-Nam : khi đức Gia-long đã gặp đức

cha Bá-da-Lộc, và đức cha đào Đông-cung Cảnh sang Pháp. Nhờ tài nghệ không còn phải khen của hai chị em cô Năm Phi và cô Mười Truyền

mà vở tuồng lại càng thêm xuất sắc và càng được công-chúng vỗ tay.

Tóm lại, cuộc diễn tuồng Pháp-Việt sơ giao tại nhà hát Tây đêm mới rồi thật đã kết quả tốt đẹp về cả mọi phương diện.